

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ
XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



MỤC LỤC

01

Thông tin chung

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề hoạt động kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

04

Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công ty

Các kế hoạch và định hướng kinh doanh của hội đồng quản trị

02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và tình hình thay đổi vốn đầu tư

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

05

Quản trị công ty

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

06

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

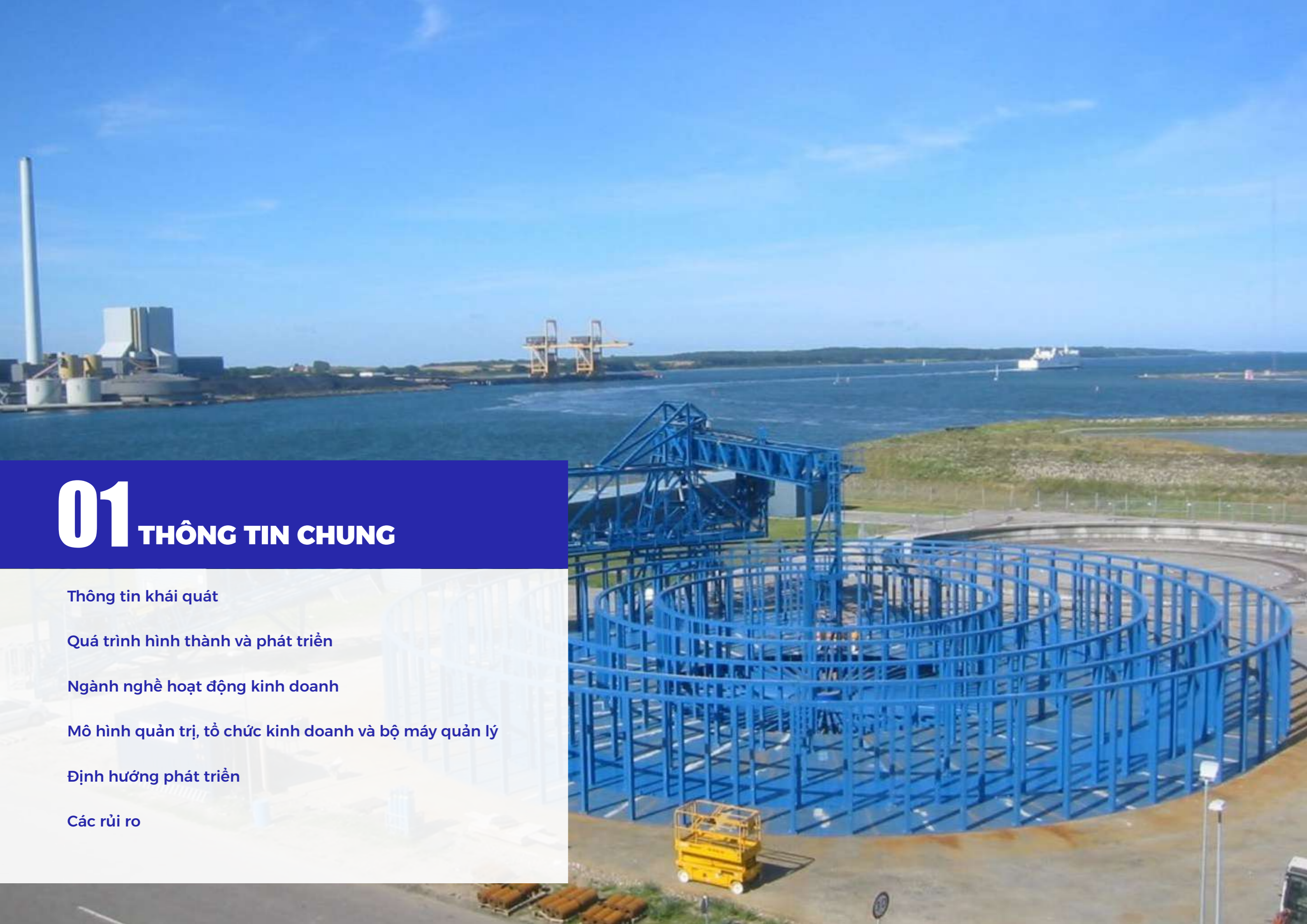
Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề hoạt động kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Tên quốc tế	: MECHANICAL AND INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên doanh nghiệp viết tắt	: IMECO JSC
Giấy chứng nhận ĐKDN	: 0300628797 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/01/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16/04/2025
Mã cổ phiếu	: IME
Sàn chứng khoán	: UPCOM
Vốn điều lệ	: 35.999.480.000 đồng
Trụ sở chính	: 929 - 931, Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



(028) 3717 3237



www.imecovn.com.vn



(028) 3717 3454



info@imecovn.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, viết tắt là IMECO, được thành lập ngày 20/08/1979 là tiền thân của Xí nghiệp Cơ điện Tân Bình - thành viên của Liên hiệp Bột ngọt Miền liên, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm.

1979



Xí nghiệp Cơ điện Tân Bình được bộ chủ quản là Bộ Công nghiệp nhẹ đổi tên thành Nhà máy Cơ khí - Thực phẩm theo Quyết định số 522/ CNNTCLĐ ngày 02/07/1992 của Bộ Công nghiệp nhẹ.



1992

Ngày 07/05/1993, Nhà máy Cơ khí Thực phẩm được thành lập theo quyết định số 448/CNN-TCLĐ của Bộ Công nghiệp nhẹ.

1993



Theo quyết định số 1409/QĐ -TCCB của Bộ Công nghiệp, Nhà máy Cơ khí thực phẩm được đổi thành Công ty Cơ khí Thực phẩm.



1996

Ngày 12/08/1999, theo Quyết định số 52/1999/ QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp Công ty Cơ khí Thực phẩm đổi thành Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp trực thuộc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp.

1999



Ngày 05/05/2004, theo Quyết định số 32/2004/QĐ-BCN của Bộ Công Nghiệp về việc chuyển Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.



2004

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 3285/QĐTCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

2006



Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) chính thức đưa cổ phiếu Công ty giao dịch tập trung tại hệ thống giao dịch UPCOM và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01/12/2009, với mã cổ phiếu: IME. Tổng giá trị đăng ký giao dịch lần đầu là 30 tỷ đồng.



2009

2009 - nay: Trải qua 46 năm thành lập và phát triển, Công ty luôn không ngừng phấn đấu để có thể hoàn thành tốt các định hướng, mục tiêu hàng năm do Đại hội đồng cổ đông đề ra, cũng như đảm bảo được nghĩa vụ đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước.



THÀNH TỰU

2000

IMECO đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước.

2003

IMECO nhận Huy chương vàng và Cúp chất lượng cho nổi hơi và thiết bị áp lực tại Hội chợ NEEM.

2004

IMECO được cấp chứng chỉ Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2000 bởi Tổ chức Det Norske Veritas.

2009

IMECO được cấp Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện QC100 TQM của tổ chức BID tại Geneva, Thụy Sĩ và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì

2010

IMECO được cấp chứng chỉ ISO 9001:2008 bởi Det Norske Veritas.

2013

IMECO được cấp chứng chỉ ISO 9001:2015

2014

IMECO đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất.

2015

IMECO được cấp chứng chỉ về quản lý Sản Xuất Kết cấu thép EN 1090-2 bởi TUV Rheinland - Đức.

2018

IMECO được cấp chứng chỉ ISO 3834, EN 1090 - 1:2009 + A1:2011.

2021

IMECO được cấp chứng chỉ CWB W47 hệ thống kiểm soát sản xuất theo tiêu chuẩn Canada.

2022

IMECO được cấp chứng chỉ ISO 45001:2018 về hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính: Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ;

Các hoạt động kinh doanh khác:

- Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước và hoàn thiện công trình;
- Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22Kv;
- Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện);
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước;
- Xử lý nước thải;
- Kinh doanh bất động sản



Địa bàn kinh doanh

IMECO có cơ hội hợp tác cùng với các doanh nghiệp ở nhiều quốc gia, bao gồm Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Nga, Trung Quốc, Châu Âu và các nước Trung Đông... Điều này đã giúp Công ty có được vị trí nhất định trong lĩnh vực cơ khí trên thị trường thế giới. Bên cạnh đó, tại thị trường Việt Nam, Công ty hoạt động mạnh mẽ nhất ở khu vực phía Nam. Trong tương lai, Công ty sẽ tập trung phát triển và mở rộng thị trường nội địa, định hướng Việt Nam trở thành thị trường chủ lực của Công ty.

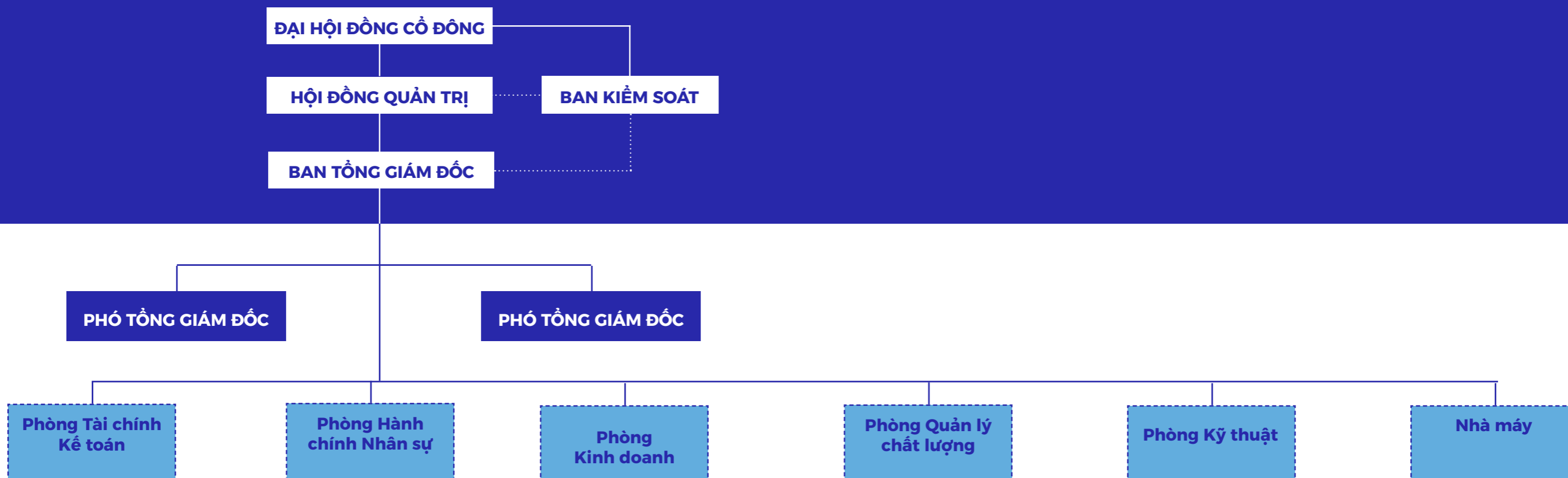




MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty Cổ Phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp có mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc



Đại hội đồng Cổ đông

Gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty.

Hội đồng Quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm.

Ban Tổng giám đốc

Giữ vai trò duy trì, phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ở tất cả các bộ phận, chi nhánh làm với mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng đi lên, vững mạnh và đạt được vị trí cao trên thị trường.

Công ty con & Công ty liên kết

Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu của Công ty

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (Imeco) xác định mục tiêu trọng tâm là đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh dựa trên khai thác tối đa các cơ hội phục hồi và tăng trưởng. Công ty sẽ tiếp tục tái cơ cấu hoạt động sản xuất, tập trung vào các sản phẩm cơ khí có hàm lượng công nghệ cao, đặc biệt là máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ nhằm nâng cao giá trị gia tăng trong xuất khẩu và nội địa.

Bên cạnh đó, Imeco cam kết cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng minh bạch, hiệu quả, thu hút và sử dụng tối ưu các nguồn lực để thúc đẩy đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ vào sản xuất và quản lý, nâng cao tính tự động hóa và tối ưu hóa chi phí vận hành.

Đồng thời, Imeco sẽ thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động, hướng đến phát triển bền vững, khẳng định vị thế của công ty trong ngành cơ khí và xây lắp công nghiệp.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- » Đẩy mạnh tái cơ cấu hoạt động sản xuất theo hướng tinh gọn, nâng cao năng suất và hiệu quả vận hành, đặc biệt tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ.
- » Tăng cường tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu, tập trung vào các khu vực có nhu cầu cao về thiết bị công nghiệp.

Đồng thời, củng cố thị phần trong nước, mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp lớn.

- » Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ mới trong thiết kế, chế tạo sản phẩm, hướng đến cơ khí chính xác, tự động hóa, tối ưu hóa chi phí sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- » Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kỹ thuật và quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng tiếp cận công nghệ mới, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển dài hạn.
- » Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, cải tiến quy trình sản xuất, tối ưu hóa chuỗi cung ứng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo tiền đề cho tăng trưởng bền vững.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TT)

Mục tiêu phát triển bền vững

Hướng tới sự phát triển bền vững, IMECO không chỉ tập trung vào tăng trưởng kinh doanh mà còn cam kết nâng cao trách nhiệm với môi trường, cộng đồng và người lao động. Trong bối cảnh ngành cơ khí - xây lắp công nghiệp ngày càng cạnh tranh và yêu cầu tiêu chuẩn cao hơn, công ty xây dựng chiến lược phát triển phải gắn liền với đổi mới công nghệ, tối ưu hóa nguồn lực và tuân thủ các nguyên tắc bền vững, cụ thể như sau:

Đối với môi trường

- » Công ty luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, quy định của Pháp luật Việt Nam trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vệ sinh môi trường và an ninh xã hội.
- » Tối ưu hóa sử dụng nguyên vật liệu và năng lượng, giảm lãng phí trong sản xuất, đồng thời nâng cao hiệu suất sử dụng tài nguyên.
- » Phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, đặc biệt là thiết bị xử lý môi trường, lò hơi tiết kiệm năng lượng, hệ thống đường ống công nghệ tiên tiến giúp doanh nghiệp khác tối ưu hóa sản xuất bền vững.
- » Xây dựng quy trình xử lý chất thải công nghiệp đạt tiêu chuẩn, thúc đẩy mô hình sản xuất tuần hoàn.

Đối với xã hội, cộng đồng

- » Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn lao động, đặc biệt trong lĩnh vực cơ khí chế tạo và xây lắp công nghiệp.
- » Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tổ chức đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và trình độ kỹ thuật cho người lao động, giúp họ thích nghi với sự thay đổi của công nghệ và thị trường.
- » Tạo cơ hội việc làm ổn định và công bằng, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên.
- » Thực hiện các chương trình an sinh xã hội, đóng góp vào cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ giáo dục, phát triển cơ sở hạ tầng xã hội.





CÁC RỦI RO

RỦI LO KINH TẾ

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước phục hồi và tăng trưởng tích cực sau những khó khăn của năm 2023. Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, nâng quy mô nền kinh tế lên khoảng 476,3 tỷ USD, với thu nhập bình quân đầu người đạt 4.700 USD. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò quan trọng, ghi nhận mức tăng 9,83%, đóng góp 2,49 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP. Sự phục hồi của thị trường quốc tế cùng với nỗ lực của doanh nghiệp đã giúp hoạt động sản xuất kinh doanh khởi sắc hơn. Tuy nhiên, những ảnh hưởng từ năm 2023, bao gồm tác động của xung đột Nga - Ukraine và sự chậm lại của kinh tế Trung Quốc, vẫn gây áp lực lên nền kinh tế, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực cơ khí chế tạo. Những yếu tố này đã ảnh hưởng đến số lượng đơn hàng và doanh thu của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO), khi nhiều doanh nghiệp có xu hướng thận trọng trong việc mở rộng quy mô và đầu tư trang thiết bị.

Trước bối cảnh này, IMECO đã chủ động theo dõi sát sao diễn biến kinh tế và thị trường, đồng thời xây dựng kế hoạch chi tiết nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, tận dụng cơ hội mới và nâng cao năng lực cạnh tranh. Công ty tập trung vào đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, phát triển các sản phẩm cơ khí công nghệ cao nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, IMECO tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng quan hệ với các đối tác nước ngoài để tiếp cận công nghệ tiên tiến và mở rộng thị trường xuất khẩu. Việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển các giải pháp kỹ thuật mới phù hợp với xu hướng công nghiệp 4.0. Đồng thời, công ty không ngừng tối ưu hóa quy trình sản xuất bằng cách ứng dụng các phương pháp quản lý hiện đại và công nghệ tự động hóa để giảm chi phí và tăng hiệu quả. Với những chiến lược này, IMECO đặt mục tiêu không chỉ duy trì ổn định trong bối cảnh kinh tế biến động mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

RỦI LO LÃI SUẤT

Năm 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp điều hành linh hoạt nhằm hỗ trợ nền kinh tế và duy trì mặt bằng lãi suất ở mức hợp lý. Theo số liệu cập nhật cuối tháng 12/2024, lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại đối với các khoản vay mới và dư nợ cũ dao động từ 6,7% đến 9,0%/năm. Mức lãi suất này giúp giảm bớt áp lực tài chính cho các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp có nhu cầu vốn lưu động lớn như IMECO, khi việc tiếp cận nguồn vốn trở nên thuận lợi hơn. Tuy nhiên, dù các khoản vay của IMECO chủ yếu là ngắn hạn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, biến động lãi suất vẫn tác động đến chi phí lãi vay và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính của công ty. Do đó, IMECO luôn chủ động theo dõi sát sao diễn biến thị trường lãi suất, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn hợp lý và duy trì cơ cấu vay nợ tối ưu nhằm đảm bảo hiệu quả tài chính và giảm thiểu rủi ro trong điều kiện kinh tế còn nhiều biến động.



CÁC RỦI RO (TT)

RỦI RO TỶ GIÁ

Năm 2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã thực hiện các điều chỉnh lãi suất nhằm kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế. Trong cuộc họp tháng 09/2024, Fed đã giảm lãi suất tham chiếu xuống 0,5%, đưa mức lãi suất về khoảng 4,75-5%. Tuy nhiên, đến tháng 1/2025, Fed quyết định tạm dừng cắt giảm lãi suất để đánh giá thêm về tình hình lạm phát và tăng trưởng kinh tế.

Những biến động trong chính sách lãi suất của Fed đã ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái giữa USD và VND. Trong năm 2024, tỷ giá USD/VND dao động từ mức thấp nhất là 24.269 VND/USD vào ngày 01/01/2024, đến mức cao nhất là 25.486 VND/USD vào ngày 30/12/2024. Sự biến động này tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO), đặc biệt khi phần lớn đơn hàng xuất khẩu được thanh toán bằng ngoại tệ. Việc tăng giá USD có thể mang lại lợi ích về doanh thu khi quy đổi sang VND, nhưng đồng thời cũng làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu và các chi phí liên quan khác.

Để giảm thiểu rủi ro từ biến động tỷ giá, IMECO luôn theo dõi sát sao thị trường ngoại hối và áp dụng các biện pháp phòng ngừa thích hợp, đàm phán hợp đồng theo điều khoản tỷ giá cố định. Công ty cũng xây dựng kế hoạch tài chính linh hoạt, cân đối dòng tiền và đảm bảo hiệu quả hoạt động, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ biến động tỷ giá đến kết quả kinh doanh.



RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Để đảm bảo sản xuất các sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao cả về chất lượng kỹ thuật lẫn tính thẩm mỹ, IMECO cần một đội ngũ nhân sự có chuyên môn vững vàng, tay nghề cao và kỹ thuật tiên tiến. Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa không ngừng phát triển, các yêu cầu của thị trường ngày càng khắt khe, buộc người lao động phải liên tục nâng cao kỹ năng. Tuy nhiên, thách thức lớn đối với IMECO là sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp lớn trong việc thu hút và giữ chân lao động tay nghề cao với những chính sách đãi ngộ hấp dẫn. Đặc biệt, ngành sản xuất - chế tạo là lĩnh vực thâm dụng lao động, sự biến động nhân sự có thể ảnh hưởng đáng kể đến tiến độ sản xuất, nhất là khi số lượng đơn hàng tăng mạnh và khách hàng yêu cầu tiêu chuẩn ngày càng cao.

Nhằm khắc phục rủi ro này, IMECO chú trọng triển khai các giải pháp giữ chân nhân sự chất lượng cao, tối ưu hóa nguồn lực, giảm thiểu chi phí và thời gian đào tạo lao động mới. Công ty tập trung vào cải thiện chính sách lương thưởng cạnh tranh, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và năng động, đồng thời mở rộng cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Những biện pháp này không chỉ giúp IMECO ổn định đội ngũ lao động mà còn tạo điều kiện để nhân viên nâng cao tay nghề, đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn kỹ thuật ngày càng cao của thị trường.



CÁC RỦI RO (TT)

RỦI RO PHÁP LÝ

Việt Nam đang ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng với quốc tế, do đó hệ thống pháp luật quốc gia không ngừng được củng cố và hoàn thiện, tạo dựng môi trường kinh doanh văn minh, minh bạch. Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO), hoạt động trong lĩnh vực sản xuất máy móc và thiết bị cơ khí, phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường cùng các văn bản pháp luật liên quan. Với phần lớn doanh thu đến từ hoạt động xuất khẩu, IMECO cần nắm vững và tuân thủ các quy định quốc tế hiện hành. Hơn nữa, với tư cách là công ty cổ phần có cổ phiếu giao dịch trên hệ thống UpCom, IMECO phải chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản pháp luật khác. Đặc biệt, ngày 29/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật số 56/2024/QH15, sửa đổi và bổ sung một số điều của các luật quan trọng như Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, với hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Những thay đổi pháp lý này có thể ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của công ty. Do đó, IMECO luôn chủ động theo dõi, cập nhật các chính sách và chủ trương mới của Nhà nước, cũng như các quy định và thông lệ quốc tế, nhằm kịp thời điều chỉnh chính sách quản lý và chiến lược kinh doanh phù hợp.



RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU

Năm 2024, Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực sản xuất máy móc và thiết bị cơ khí, với nguyên vật liệu chính bao gồm sắt, thép và các trang thiết bị như máy hàn, máy ép thủy lực, máy cắt plasma, máy chấn... Trong năm này, thị trường sắt thép có nhiều biến động do ảnh hưởng từ nguồn cung toàn cầu, nhu cầu tiêu thụ và các chính sách thương mại. Theo số liệu cập nhật đến cuối tháng 12/2024, giá thép xây dựng tại Việt Nam dao động trong khoảng 14,8 - 15,2 triệu đồng/tấn, tăng khoảng 8,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Việc giá nguyên vật liệu gia tăng đã tạo áp lực lên chi phí sản xuất của IMECO, ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm và biên lợi nhuận. Để giảm thiểu rủi ro từ biến động giá cả, Công ty liên tục theo dõi sát

sao diễn biến thị trường, triển khai các chiến lược mua hàng linh hoạt nhằm tối ưu hóa chi phí đầu vào. Đồng thời, IMECO cũng chú trọng xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp, đàm phán với các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, tránh ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất. Ngoài ra, công ty đẩy mạnh cải tiến công nghệ, tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, giúp duy trì lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh giá cả thị trường còn nhiều biến động.



RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro đã nêu trên, IMECO còn có thể phải đối mặt với các rủi ro khác như hỏa hoạn, thiên tai... Khi những rủi ro này cũng gây ra những ảnh hưởng vô cùng nghiêm trọng về tài sản và con người, từ đó kéo theo hoạt động sản xuất của Công ty cũng bị đình trệ. Do đó, Công ty luôn chuẩn bị các công tác phòng ngừa rủi ro, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC... để có thể giảm thiểu tối đa các thiệt hại do rủi ro bất khả kháng gây ra.



02 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2024

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và sự tình hình thay đổi vốn đầu tư

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2024/ Năm 2023
Tổng doanh thu	176.369	120.222	68,17%
Doanh thu bán thành phẩm	169.654	117.244	69,11%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.823	217	11,93%
Hoạt động tài chính	3.349	2.118	63,26%
Doanh thu khác	1.543	643	41,63%
Tổng chi phí	169.116	111.623	66,00%
Lợi nhuận trước thuế	7.253	8.600	118,57%
Lợi nhuận sau thuế	6.989	7.302	104,47%

Năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMEC) giảm so với năm trước. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 120.222 triệu đồng, giảm 31,83% so với mức 176.369 triệu đồng của năm 2023. Trong đó, doanh thu bán thành phẩm - nguồn thu chủ lực chiếm tỷ trọng lớn - giảm 30,91%; doanh thu từ cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính cũng giảm mạnh lần lượt 88,09% và 36,74%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sản lượng xuất khẩu giảm 35,1% so với năm trước (từ 7,26 triệu USD năm 2023 xuống còn 4,71 triệu USD)

Tuy vậy, Công ty đã kiểm soát tốt chi phí hoạt động khi tổng chi phí giảm mạnh 34,01%, nhờ chính sách tiết giảm chi phí nguyên vật liệu, chi phí bán hàng và chi phí lưu kho. Qua đó, lợi nhuận trước thuế đạt 8.600 triệu đồng, tăng 18,57% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt 7.302 triệu đồng, tăng 4,47%. Kết quả này cho thấy dù doanh thu sụt giảm, hiệu quả trong quản trị chi phí và xử lý hàng tồn kho đã góp phần cải thiện lợi nhuận của Công ty.



Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu doanh thu	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán thành phẩm	169.654	96,19%	117.244	97,52%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.823	1,03%	217	0,18%
Hoạt động tài chính	3.349	1,90%	2.118	1,76%
Doanh thu khác	1.543	0,88%	643	0,53%
Tổng doanh thu	176.369	100%	120.222	100%

Năm 2024, tổng doanh thu của IME giảm 31,83% so với năm 2023, từ 176.369 triệu đồng xuống 120.222 triệu đồng. Sự giảm sút này chủ yếu đến từ doanh thu bán thành phẩm, giảm 30,91%, từ 169.654 triệu đồng năm 2023 xuống 117.244 triệu đồng năm 2024. Dù có sự giảm, doanh thu bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu, đạt 97,52% trong năm 2024, gần tương đương với tỷ trọng 96,19% của năm 2023. Sự suy giảm trong sản lượng tiêu thụ chủ yếu do thị trường xuất khẩu gặp khó khăn và thị trường trong nước chưa có dấu hiệu phục hồi, dẫn đến sự sụt giảm mạnh trong tổng doanh thu.

Các nguồn doanh thu khác cũng giảm mạnh: doanh thu từ cung cấp dịch vụ giảm 88,09%, từ 1.823 triệu đồng năm 2023 xuống 217 triệu đồng năm 2024, trong khi doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 36,74%. Ngược lại, doanh thu từ các hoạt động khác tăng 41,63%, từ 1.543 triệu đồng lên 643 triệu đồng. Tuy nhiên mức đóng góp vẫn ở mức thấp hơn nhiều so với các hoạt động kinh doanh chính. Mặc dù tổng doanh thu giảm, nhưng nhờ vào việc kiểm soát chi phí hiệu quả, IME đã giảm bớt tác động tiêu cực lên lợi nhuận của công ty.



Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	TH2023	KH2024	TH2024	TH2024/ KH2024	TH2024/ TH2023
Tổng doanh thu	Tr.đ	176.369	180.073	120.222	66,76%	68,17%
Tổng chi phí	Tr.đ	169.116	171.733	111.623	65,00%	66,00%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	7.253	8.340	8.600	103,11%	118,57%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.989	6.672	7.302	109,44%	104,47%
Giá trị xuất khẩu	1000.USD	7.260	7.569	4.712	62,25%	64,90%
Giá trị nhập khẩu	1000. USD	92	500	114	22,80%	123,91%
Cổ tức	%	-	5	5	100	-

Trong năm 2024, dù gặp phải những thách thức từ thị trường, Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) đã nỗ lực hết mình để thực hiện các mục tiêu kinh doanh đã đề ra. Tuy tổng doanh thu đạt 120.222 triệu đồng, chỉ đạt 66,76% so với kế hoạch 180.073 triệu đồng, nhưng công ty đã ghi nhận những thành công đáng kể trong việc duy trì và gia tăng lợi nhuận. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế đạt 8.600 triệu đồng, vượt kế hoạch 103,11%, tăng 18,57% so với năm 2023, và lợi nhuận sau thuế đạt 7.302 triệu đồng, vượt kế hoạch 109,44%, tăng 4,47% so với năm trước.

Một trong những yếu tố giúp công ty đạt được kết quả khả quan là việc kiểm soát chi phí hiệu quả. Tổng chi phí trong năm 2024 giảm mạnh 34,01%, chỉ đạt 65,00% so với kế hoạch. Điều này phản ánh sự nỗ lực trong việc tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí nguyên vật liệu, chi phí bán hàng và chi phí lưu kho, giúp IMECO duy trì lợi nhuận và hiệu quả hoạt động dù doanh thu không đạt kỳ vọng.



Danh sách Ban điều hành

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Bà Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT		
2	Ông Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
3	Ông Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT		
4	Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 184.200 CP	5,12%
5	Ông Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT	Đại diện: 936.000 CP	26%
II BAN TỔNG GIÁM ĐỐC & KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1	Ông Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
2	Bà Nguyễn Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc		
3	Bà Nguyễn Thế Xuân Ý	Phó Tổng Giám đốc		
4	Bà Vũ Thị Thu Hương	Kế toán trưởng		
III BAN KIỂM SOÁT				
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS		
2	Ông Trần Thanh Tâm	Thành viên BKS		
3	Bà Trần Tố Như	Thành viên BKS		

Những thay đổi nhân sự:

Trong năm 2024, Công ty không có sự thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

Lý lịch Hội đồng quản trị

BÀ VŨ THANH PHƯƠNG

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh - Kinh tế đối ngoại

Quá trình công tác:

2002 - 2006:	Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam
2006 - 2008:	Giám đốc - Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phương Đông
2008- 2021:	Phó Giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Đức Bình
06/2016 - 11/2021:	Thành viên BKS - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
11/2021 - nay	Chủ tịch HĐQT - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Chủ tịch HĐQT CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

ÔNG ĐỖ HÙNG ANH

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1990

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

2015 - 2019	P. Trưởng kho TK An Sương - Công ty TNHH MTV Thương mại BSG
2019 - 2020	Trưởng TTPP Củ Chi - Công ty TNHH MTV Thương mại BSG
11/2021 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

ÔNG BÙI QUANG HẢI

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1953

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

01/2006 - 06/2008	Ủy viên HĐQT Tổng Cty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
07/2008 - 05/2013	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
06/2013 - 06/2016	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
06/2016 - 11/2021:	Nghỉ hưu theo chế độ
11/2021 - nay	Thành viên HĐQT - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

ÔNG NGUYỄN THÀNH TRUNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1967

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo

Quá trình công tác:

08/1990 - 04/1993	Cán bộ Nghiên cứu khoa học phụ trách phần thiết kế - Trung tâm Công nghiệp Khoa học thuộc viện Khoa học Việt Nam tại TPHCM
05/1993 - 08/1996	Kỹ sư - Xưởng cơ khí Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
01/2006 - 02/2007	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ- CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
2008 - 02/2018	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
02/2018 - nay	Thành viên HĐQT - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
03/2018 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần MENTO

- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần MENTO
- **Số cổ phần sở hữu cá nhân:** Cá nhân: 184.200 cổ phần; chiếm 5,12% VDL



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Hội đồng quản trị

ÔNG PHẠM SƠN HÀ

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện/ Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

1994 - 1996	Công ty XD & TTNT(Tổng Công ty XD Sài Gòn)
1996 - 2007	Ban QLDA các Công trình Điện Miền Nam (Tập đoàn Điện Lực Việt Nam - EVN)
2007 - 2008	Ban QL Khu Đô thị mới Thủ Thiêm (UBND TPHCM)
2008 - 2011	Công ty TNHH Thương Mại - Xây dựng Trà My
2011 - nay	Chuyên trách quản lý vốn Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO)
11/2021 - nay	Thành viên HĐQT - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Thành viên HĐQT CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Chuyên trách quản lý vốn SABECO
- **Số cổ phần sở hữu cá nhân:** Đại diện: 936.000 cổ phiếu ; chiếm 26% VĐL

Lý lịch Ban Tổng Giám đốc

BÀ NGUYỄN THỊ LOAN

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1969

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế & Cử nhân ngoại ngữ

Quá trình công tác:

	Từng năm giữ chức vụ Trưởng văn phòng Giám đốc, Trợ lý Tổng Giám Đốc, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
06/2016 - 12/11/2021	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
08/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Phó Tổng Giám đốc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

BÀ NGUYỄN THẾ XUÂN Ý

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

12/1996 - 12/1999:	Trợ lý Phó Chủ tịch HĐQT- Ngân hàng TMCP Việt Hoa
03/2000 - 12/2004	Kế toán Trưởng - Công ty Truyền thông Đa Phương Tiện EVENTS & Kế toán trưởng - Multimedia Advertising Incorporation
10/2004 - 12/2021	Giám đốc kinh doanh - Công ty TM DV Lê Phương & Tổng Giám đốc - Multimedia Advertising Incorporation
Từ 08/2022 - nay	Trợ lý Tổng Giám đốc - Tập đoàn T99 Group
15/03/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Phó Tổng Giám đốc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Trợ lý Tổng Giám đốc - Tập đoàn T99 Group
- **Số cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

BÀ VŨ THỊ THU HƯƠNG

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân cao đẳng Kế toán

Quá trình công tác:

12/1997 - 10/1999	Phụ trách Kế toán CN Công ty Du Lịch và Dịch Vụ Lâm Nghiệp Sài Gòn
12/1999 - 03/2003	Kế toán tổng hợp Công Ty TNHH Dược Khanh Minh
06/2003 - 11/2017	GDV, Kiểm soát, PGĐ Phòng GDNhân hàng TMCP Việt Á
07/2019 - 09/2020	Kế toán CT TNHH Châu Đại Dương
11/2020 - 10/2021	Kế toán tổng hợp CN TP. HCM - Cty CP Tập Đoàn Phát Triển Trường An
06/2023 - 12/2023	Phó phòng Kế toán CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
01/2024 - 27/03/2025	Quyền Kế toán trưởng, Kế toán trưởng CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Kế toán trưởng CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (miễn nhiệm chức vụ này từ ngày 27/03/2025)
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

Lý lịch Ban Kiểm soát

ÔNG NGUYỄN VĂN SƠN
Trưởng BKS

Năm sinh: 1976
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Cử nhân Luật Kinh tế

Quá trình công tác:

04/2004 - 12/2007 Kế toán trưởng CTCP Sản xuất Bao bì & Hàng Xuất khẩu - CN HCM
01/2008 - 04/2010 Kế toán trưởng CTCP Truyền Thông Sao Thế Giới
04/2010 - 06/2011 Kế toán trưởng CTCP Đất Xanh Miền Bắc
09/2011 - nay Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
06/2015 - nay Trưởng BKS - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
- **Số cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

BÀ TRẦN TỐ NHƯ
Thành viên BKS

Năm sinh: 1994
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

2018-2019 Elite Garming- Indonesia
2020-2021 Kinh doanh tại Cần Thơ
2/2023- nay Trợ lý HĐQT Công ty cổ phần Trường An Sài Gòn
27/04/2023 - nay Thành viên BKS - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Trợ lý HĐQT- Công ty cổ phần Trường An Sài Gòn
- **Số cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

ÔNG TRẦN THANH TÂM
Thành viên BKS

Năm sinh: 1990
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế Toán TCDN

Quá trình công tác:

2014 - 2015 Nhân viên Công ty TNHH Tim Sen
2015 - 2016 Nhân viên Công ty cổ phần Đại lý thuế Chân Nhân
2017 - 2020 Quản lý Công ty TNHH TMDV Tâm Thịnh Phát Tài
2021 - 10/2021 Nhân viên Công ty TNHH Tư vấn Thuế An Phúc
11/2021- 10/2022 Nhân viên Công ty TNHH TataVN
11/2022 - nay Nhân viên Công ty CP Thái Sơn E&C
27/04/2023 - nay Thành viên BKS - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- **Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH:** Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Nhân viên Công ty CP Thái Sơn E&C
- **Số cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần



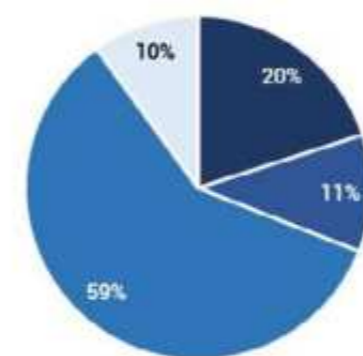
Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ lao động	196	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	38	20%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	22	11%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	116	59%
4	Lao động phổ thông	20	10%
B	Theo giới tính	196	100%
1	Nam	176	90%
2	Nữ	20	10%
III	Theo tính chất hợp đồng lao động	196	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	2	1%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	32	16%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	162	83%

Thu nhập bình quân

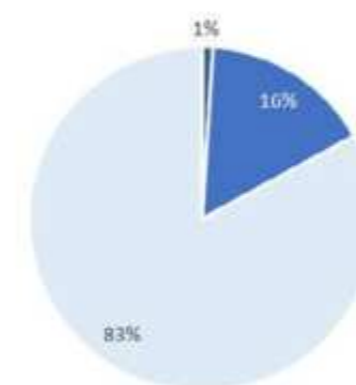
Chỉ tiêu nhân sự và thu nhập bình quân	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng lao động (người)	223	184	225	206	196
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.560.000	7.350.000	13.710.000	14.070.000	14.700.000

Trình độ lao động



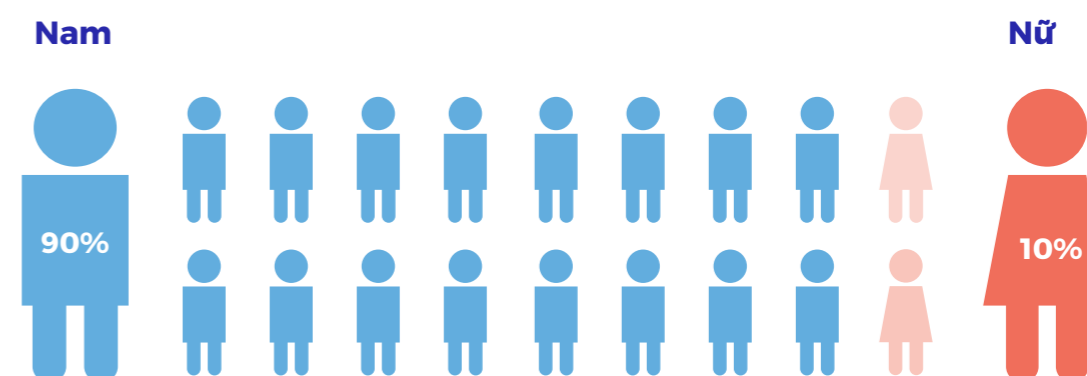
- Đại học và Trên đại học
- Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Thời hạn hợp đồng lao động



- Hợp đồng dưới 1 năm
- Hợp đồng thời hạn 1-3 năm
- Hợp đồng không xác định thời gian

Giới tính





“ Chính sách nhân sự



VỀ ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN DỤNG

IMECO luôn đặt ra các tiêu chuẩn cụ thể cho từng vị trí, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp. Mục tiêu của công ty là tìm kiếm những ứng viên có năng lực, tư duy đổi mới và phù hợp với định hướng phát triển của tổ chức. Đặc biệt, trong lĩnh vực cơ khí chế tạo, nơi đòi hỏi độ chính xác cao trong từng quy trình sản xuất, việc tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự chất lượng cao là yếu tố then chốt giúp IMECO nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. IMECO không chỉ đặt ra yêu cầu cao đối với trình độ chuyên môn và tay nghề của nhân viên, mà còn chú trọng phát triển tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng với công nghệ mới và tinh thần trách nhiệm trong công việc. Nhằm đảm bảo đội ngũ nhân sự luôn đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của thị trường, công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ cũng như hợp tác với các chuyên gia, tổ chức đào tạo bên ngoài để cập nhật kiến thức, kỹ năng mới. Điều này giúp nhân viên nâng cao chuyên môn, làm chủ quy trình công nghệ sản xuất, tối ưu hiệu suất làm việc và đảm bảo sản phẩm đầu ra đạt tiêu chuẩn cao nhất.

Bên cạnh đó, IMECO không ngừng cải thiện chính sách đãi ngộ, phúc lợi và môi trường làm việc nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Công ty chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, tạo động lực để nhân viên phát huy tối đa năng lực. Chính sách lương thưởng cạnh tranh, chế độ phúc lợi hấp dẫn và các chương trình phát triển nghề nghiệp dài hạn là những yếu tố quan trọng giúp IMECO duy trì đội ngũ nhân sự ổn định, gắn bó lâu dài. Nhờ những chiến lược này, IMECO không chỉ nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn tạo ra một môi trường làm việc bền vững, đảm bảo nguồn thu nhập ổn định và mang lại giá trị lâu dài cho người lao động.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)



VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

IMECO luôn cam kết thực hiện đầy đủ quyền lợi cho người lao động, tuân thủ chặt chẽ các quy định của Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm thất nghiệp, cũng như các nội dung đã được thống nhất trong hợp đồng lao động. Công ty hoạt động dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch và luôn đảm bảo rằng mọi nhân viên đều được hưởng đầy đủ quyền lợi về chế độ bảo hiểm, phúc lợi và các chính sách hỗ trợ khác theo đúng quy định của pháp luật.

Bên cạnh việc đảm bảo quyền lợi cơ bản, IMECO cũng chủ động nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và sức khỏe của nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ, giúp người lao động theo dõi và cải thiện tình trạng sức khỏe, đảm bảo thể trạng tốt nhất để làm việc. Ngoài ra, các hoạt



VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

động nội bộ như teambuilding, phong trào thể thao, văn nghệ được tổ chức thường xuyên, không chỉ giúp nhân viên thư giãn, tái tạo năng lượng mà còn thúc đẩy tinh thần đoàn kết và sự gắn kết trong đội ngũ.

IMECO cũng cam kết trả lương đúng hạn, đảm bảo mức thu nhập bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu vùng, giúp người lao động có nguồn tài chính ổn định, an tâm công tác và cống hiến lâu dài. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng chính sách khen thưởng, vinh danh dành cho những cá nhân và phòng ban có thành tích xuất sắc, tạo động lực để nhân viên không ngừng nâng cao năng lực, cống hiến cho sự phát triển chung của doanh nghiệp. Với những chính sách phúc lợi toàn diện và các hoạt động gắn kết nhân sự, IMECO không chỉ mang lại một môi trường làm việc chuyên nghiệp mà còn tạo điều kiện để nhân viên phát triển bền vững cùng công ty.



MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Để người lao động có thể gắn bó lâu dài với Công ty, môi trường làm việc đóng vai trò then chốt trong việc tạo động lực, thúc đẩy hiệu suất và nâng cao tinh thần trách nhiệm. Một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện không chỉ giúp nhân viên hoàn thành tốt công việc mà còn khuyến khích sự sáng tạo, gắn kết và phát triển cá nhân. Hiểu rõ điều này, IMECO luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc hiện đại, năng động và công bằng, nơi mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển dựa trên năng lực và đóng góp thực tế.

IMECO tin rằng, một môi trường làm việc thoải mái, cởi mở và khuyến khích sự hợp tác sẽ giúp nhân viên phát huy tối đa tiềm năng, cải thiện hiệu suất và chất lượng công việc. Công ty luôn đề cao tinh thần đồng đội, xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn kết, tạo điều kiện để nhân viên có thể chia sẻ ý tưởng, học hỏi và hỗ trợ lẫn nhau trong công việc. Không chỉ dừng lại ở đó, IMECO còn đầu tư vào các tiện ích và cơ sở vật chất, từ không gian làm việc, khu vực nghỉ ngơi cho đến các thiết bị hỗ trợ sản xuất, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và đạt chuẩn.

Bên cạnh đó, công tác an toàn lao động luôn được đặt lên hàng đầu. Công ty không ngừng cải thiện và nâng cấp hệ thống trang thiết bị bảo hộ, duy trì các tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh lao động nghiêm ngặt trong khu vực sản xuất. Đồng thời, IMECO tổ chức các khóa đào tạo về an toàn lao động, giúp nhân viên nâng cao nhận thức và kỹ năng xử lý tình huống, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và bền vững.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Năm 2024 Công ty đã đầu tư gần 3.158 triệu đồng cho công trực và máy cắt laser, tương đương đạt 53,52% so với kế hoạch và mức đầu tư cao hơn năm trước 83,68%. Do tính chất các dự án đòi hỏi cần có nhiều máy móc đạt độ chính xác cao vì vậy Công ty đã quan tâm và triển khai thực hiện việc đầu tư mới trong năm 2024, nhưng do điều kiện kinh phí còn hạn hẹp vì vậy sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư trong năm 2025.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	72.847	77.408	106,26%
2	Doanh thu thuần	171.477	117.461	68,50%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.482	8.080	124,65%
4	Lợi nhuận khác	771	520	67,42%
5	Lợi nhuận trước thuế	7.253	8.600	118,57%
6	Lợi nhuận sau thuế	6.989	7.302	104,47%

Tổng doanh thu năm 2024 đạt 120.222 triệu đồng, giảm 31,83% so với năm 2023, nhưng công ty vẫn duy trì được mức lợi nhuận trước thuế đạt 8.600 triệu đồng, tăng 18,57%, và lợi nhuận sau thuế đạt 7.302 triệu đồng, tăng 4,47% so với năm trước. Điều này cho thấy mặc dù doanh thu giảm, IMECO đã kiểm soát tốt chi phí, với tổng chi phí giảm mạnh 34,95%, nhờ vào các chính sách tiết kiệm chi phí hiệu quả. Cụ thể, giá vốn hàng bán giảm 33,93%, từ 146.970 triệu đồng xuống 94.726 triệu đồng, chi phí bán hàng giảm 45,03%, và chi phí lưu kho giảm đáng kể. Đây là sự nỗ lực của công ty trong việc tối ưu hóa quy trình sản xuất, duy trì lợi nhuận và đảm bảo hiệu quả hoạt động.



Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện thời	Lần	1,91	2,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,79	1,31
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	49,54	43,08
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	98,17	75,68
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,51	2,83
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,74	1,56
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,08	6,22
Tỷ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	21,01	18,07
Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,07	9,72
Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	3,78	6,88

KHẢ NĂNG THANH KHOẢN

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty đã có sự cải thiện đáng kể so với năm trước. Cụ thể, Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,91 lần trong năm 2023 lên 2,12 lần trong năm 2024. Điều này cho thấy công ty đã có sự cải thiện về khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn, đảm bảo an toàn về mặt tài chính và giảm thiểu rủi ro tài chính.

Bên cạnh đó, Hệ số thanh toán nhanh cũng tăng mạnh từ 0,79 lần trong năm 2023 lên 1,31 lần trong năm 2024. Tuy nhiên, sự gia tăng này chủ yếu là do công ty không còn ghi nhận giá trị vật tư vào tài sản ngắn hạn như trước đây, khiến giá trị hàng tồn kho giảm và làm tăng hệ số thanh toán nhanh. Điều này cho thấy công ty đã tăng cường khả năng thanh toán ngay lập tức các khoản nợ ngắn hạn mà không cần phải bán hết hàng tồn kho, qua đó tăng cường tính linh hoạt tài chính và cải thiện vị thế tài chính trong mắt các đối tác và nhà đầu tư.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của IMECO đều giảm từ 49,54% và 98,17% trong năm 2023 xuống còn 43,08% và 75,68% trong năm 2024. Điều này phản ánh việc công ty đã giảm thiểu tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu, qua đó cải thiện cơ cấu tài chính, giảm rủi ro tài chính và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

Tuy nhiên, trong năm 2024, mặc dù khoản phải trả người bán đã tăng, do công ty sử dụng phương thức gia tăng tín dụng từ các nhà cung cấp để cải thiện dòng tiền ngắn hạn, nhưng khoản phải thu người mua lại giảm mạnh khoảng 61,79%, từ 27.432 triệu đồng xuống còn 10.481 triệu đồng. Điều này chủ yếu là do công ty đã điều chỉnh chính sách ghi nhận vật tư và áp dụng chính sách tạm ứng công nợ đối với khách hàng.

Bên cạnh đó, khoản vay của công ty cũng tăng, cho thấy IMECO đã chủ động huy động thêm vốn vay ngắn ngày để phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục tiêu là tăng cường nguồn vốn lưu động và đồng thời giảm áp lực lãi vay cho công ty.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của IMECO đều giảm từ 49,54% và 98,17% trong năm 2023 xuống còn 43,08% và 75,68% trong năm 2024. Điều này phản ánh việc công ty đã giảm thiểu tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu, qua đó cải thiện cơ cấu tài chính, giảm rủi ro tài chính và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

Tuy nhiên, trong năm 2024, mặc dù khoản phải trả người bán đã tăng, do công ty sử dụng phương thức gia tăng tín dụng từ các nhà cung cấp để cải thiện dòng tiền ngắn hạn, nhưng khoản phải thu người mua lại giảm mạnh khoảng 61,79%, từ 27.432 triệu đồng xuống còn 10.481 triệu đồng. Điều này chủ yếu là do công ty đã điều chỉnh chính sách ghi nhận vật tư và áp dụng chính sách tạm ứng công nợ đối với khách hàng.

Bên cạnh đó, khoản vay của công ty cũng tăng, cho thấy IMECO đã chủ động huy động thêm vốn vay ngắn ngày để phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục tiêu là tăng cường nguồn vốn lưu động và đồng thời giảm áp lực lãi vay cho công ty.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2024, Vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,74 vòng trong năm 2023 xuống còn 1,56 vòng trong năm 2024. Sự giảm này chủ yếu do doanh thu giảm 31,83%, từ 176.369 triệu đồng năm 2023 xuống 120.222 triệu đồng năm 2024, trong khi tổng tài sản tăng nhẹ từ 153.619 triệu đồng lên 155.728 triệu đồng. Mặc dù tổng tài sản không tăng mạnh, nhưng doanh thu suy giảm làm giảm hiệu quả sử dụng tài sản, ảnh hưởng đến chỉ số này.

Trong khi đó, Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,51 vòng trong năm 2023 lên 2,83 vòng trong năm 2024. Điều này cho thấy việc điều chỉnh chính sách ghi nhận vật tư tại Công ty đã góp phần cải thiện hiệu quả quản lý hàng tồn kho. Cụ thể, Tỷ lệ hàng tồn kho trong tổng tài sản cũng giảm, từ 27,2% năm 2023 xuống còn 22,3% năm 2024.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ

Cổ phiếu



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: **3.599.948 cổ phiếu**
 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **3.599.948 cổ phiếu**
 Số lượng cổ phiếu đang chuyển nhượng tự do: **3.599.948 cổ phiếu**
 Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: **3.599.948 cổ phiếu**
 Số lượng cổ phiếu quỹ: **không có**
 Mệnh giá cổ phiếu: **10.000 đồng**
 Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	3.599.948	35.999.480.000	100%
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	1.924.187	19.241.870.000	53,45%
3	Cổ đông tổ chức	1.675.761	16.757.610.000	46,55%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
Tổng cộng		3.599.948	35.999.480.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

(*) Tỷ lệ theo Thông báo Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa nộp tại VSDC. IMECO sẽ thông báo chính thức ngay sau khi hoàn tất thông báo Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và có công văn xác nhận từ UBCKNN.

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Công ty TNHH MTV Cơ khí SA BE CO	936.000	26%
2	Nguyễn Thị Huệ	848.700	23,58%
3	Công ty CP An Hiền	588.484	16,35%
4	Vũ Thị Hoa	283.492	7,78%
5	Nguyễn Thành Trung	184.200	5,12%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2010, Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp phát hành thêm 599.948 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 35.999.480.000 đồng. Từ 2010 đến nay, Công ty không tăng vốn điều lệ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tác động lên môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế tạo và sản xuất máy móc cơ khí, IMECO nhận thức rõ rằng quá trình sản xuất có thể tạo ra những tác động tiêu cực đến môi trường, bao gồm rác thải công nghiệp, khí thải, nước thải và tiếng ồn. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến hệ sinh thái xung quanh mà còn tác động đến chất lượng môi trường sống của cộng đồng. Đặc biệt, rác thải công nghiệp từ quá trình gia công cơ khí như mạ sắt, dầu nhớt, hóa chất xử lý bề mặt kim loại nếu không được kiểm soát tốt có thể gây ô nhiễm nghiêm trọng. Ngoài ra, rác thải sinh hoạt từ đội ngũ công nhân viên cũng là một vấn đề cần quản lý chặt chẽ.

Tuân thủ quy định pháp luật và xử lý rác thải đúng quy chuẩn

IMECO luôn tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định liên quan về quản lý chất thải công nghiệp. Công ty đã thiết lập hệ thống phân loại và thu gom rác thải tại nguồn, đồng thời hợp tác với các đơn vị chuyên xử lý rác thải công nghiệp nhằm đảm bảo quy trình xử lý đúng tiêu chuẩn, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường.

Đầu tư vào công nghệ xử lý khí thải, nước thải

Để giảm thiểu ô nhiễm từ quá trình sản xuất, IMECO đã đầu tư vào các hệ thống xử lý nước thải và khí thải hiện đại. Các thiết bị này giúp loại bỏ các tạp chất độc hại, giảm lượng khí thải chứa kim loại nặng và hóa chất ra môi trường. Công ty cũng áp dụng công nghệ tái chế nước trong một số công đoạn sản xuất nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu lượng nước thải xả ra môi trường.

Tối ưu hóa quy trình sản xuất, sử dụng năng lượng hiệu quả

IMECO không ngừng cải tiến công nghệ và quy trình sản xuất nhằm giảm lượng chất thải phát sinh, tối ưu hóa việc sử dụng nguyên vật liệu và tiết kiệm năng lượng. Công ty đã áp dụng các thiết bị tiết kiệm điện, hệ thống chiếu sáng LED, công nghệ cắt kim loại ít hao phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất đồng thời giảm lượng phát thải.

Giám sát và kiểm tra định kỳ

Để đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường được duy trì, IMECO thường xuyên kiểm tra, giám sát quy trình sản xuất và xử lý chất thải. Các cuộc kiểm tra nội bộ giúp công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất đến môi trường, từ đó có các biện pháp cải thiện kịp thời.

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm môi trường của nhân viên

Không chỉ tập trung vào giải pháp kỹ thuật, IMECO còn chú trọng giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Công ty tổ chức các buổi đào tạo về phân loại rác thải, sử dụng tài nguyên tiết kiệm và quy trình xử lý chất thải. Mỗi nhân viên được khuyến khích chủ động thực hiện các biện pháp giảm thiểu rác thải và bảo vệ môi trường trong công việc hàng ngày.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN

MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (tt)

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hàng năm, IMECO sử dụng một lượng lớn nguyên vật liệu, trong đó sắt, thép, INOX, dầu và nhớt là những thành phần quan trọng phục vụ cho quá trình sản xuất. Do đó, việc quản lý hiệu quả nguồn nguyên vật liệu không chỉ giúp công ty tối ưu chi phí, bảo vệ biên lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ đông, mà còn giảm thiểu tác động đến môi trường.

Năm 2024, giá nguyên vật liệu có xu hướng tăng trở lại do ảnh hưởng từ nhu cầu tiêu thụ toàn cầu và những biến động trên thị trường hàng hóa. Trước thực tế này, IMECO đã xây dựng các kế hoạch quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ, áp dụng bảng chỉ tiêu định lượng nguyên vật liệu cho từng sản phẩm, nhằm tối ưu hóa sử dụng và hạn chế lãng phí. Đồng thời, Công ty không ngừng tìm kiếm các nhà cung cấp nguyên vật liệu mới, đảm bảo nguồn đầu vào chất lượng, giá cả hợp lý và nguồn cung ổn định, tránh bị động trước biến động thị trường.

Bên cạnh đó, IMECO cũng chủ động nghiên cứu và dự báo xu hướng thị trường, thường xuyên cập nhật tình hình giá cả và nguồn cung để đưa ra chiến lược thu mua phù hợp, giúp duy trì tính cạnh tranh và ổn định trong sản xuất. Việc áp dụng các giải pháp quản lý chặt chẽ và linh hoạt giúp công ty giảm thiểu tác động từ chi phí nguyên vật liệu tăng cao, đảm bảo hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

Tiêu thụ năng lượng

Do đặc thù ngành, Công ty tiêu thụ một khối lượng điện năng rất lớn mỗi ngày, kéo theo chi phí vận hành cao. Nhận thức được điều này, IMECO đã đề ra các chính sách và giải pháp tối ưu hóa tiêu thụ điện, nhằm giảm thiểu chi phí, nâng cao hiệu suất sản xuất và hướng đến phát triển bền vững.

Cụ thể, Công ty thường xuyên kiểm tra, rà soát hệ thống trang thiết bị, máy móc, tiến hành sửa chữa và thay thế các thiết bị lỗi thời bằng những công nghệ tiết kiệm năng lượng và hiệu suất cao hơn. Việc nâng cấp này không chỉ giúp giảm lượng điện tiêu thụ, mà còn tăng năng suất vận hành, tối ưu hóa quy trình sản xuất. Ngoài ra, IMECO cũng đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao ý thức tiết kiệm điện trong toàn bộ cán bộ nhân viên, đồng thời triển khai các khóa đào tạo bài bản về quy trình vận hành hệ thống dây chuyền sản xuất, giúp tối ưu hóa hiệu suất sử dụng điện.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện cải tiến quy trình sản xuất, ứng dụng tự động hóa và công nghệ hiện đại để tối đa hóa công suất hoạt động, giảm thiểu lãng phí năng

lượng và tiết kiệm hàng chục nghìn kWh tiêu thụ mỗi năm. Những biện pháp này không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế, mà còn giúp IMECO từng bước hướng tới mô hình sản xuất thân thiện với môi trường, tiết kiệm tài nguyên và nâng cao lợi thế cạnh tranh trong ngành cơ khí chế tạo.

Tiêu thụ nước

Nguồn nước sạch là một tài nguyên vô cùng quý giá, đóng vai trò quan trọng trong cả sinh hoạt và sản xuất. Do đó, Công ty đã triển khai các chính sách quản lý và sử dụng nước hiệu quả, vừa đảm bảo nhu cầu vận hành, vừa giảm thiểu lãng phí, góp phần bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- » Đối với nguồn nước sinh hoạt: IMECO đẩy mạnh tuyên truyền và khuyến khích nhân viên sử dụng nước tiết kiệm, nâng cao ý thức về trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước thông qua các chiến dịch nội bộ. Công ty cũng áp dụng các biện pháp kiểm soát lượng nước tiêu thụ, đảm bảo sử dụng hợp lý và tránh lãng phí.
- » Đối với nước sử dụng trong sản xuất: Công ty thường xuyên kiểm tra, bảo trì và sửa chữa hệ thống đường ống, van nước của các thiết bị, máy móc, nhằm giảm thiểu thất thoát nước trong quá trình vận hành. Đồng thời, IMECO cũng áp dụng các công nghệ xử lý và tái sử dụng nước trong một số công đoạn sản xuất, vừa giúp tiết kiệm tài nguyên, vừa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn môi trường.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (tt)

Tác động liên quan đến xã hội và cộng đồng

IMECO luôn coi nguồn nhân lực là tài sản cốt lõi, quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty không ngừng xây dựng và cải thiện các chính sách lao động toàn diện, đảm bảo một môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp và tạo động lực cho nhân viên phát huy tối đa năng lực. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các quyền lợi lao động theo quy định của pháp luật, đảm bảo nhân viên được hưởng mức lương cạnh tranh, chế độ bảo hiểm và trợ cấp phù hợp, đồng thời trả lương đúng hạn và đảm bảo thu nhập ổn định. Với đặc thù hoạt động trong ngành chế tạo cơ khí, IMECO đặc biệt chú trọng đến an toàn lao động và sức khỏe nhân viên, bằng cách cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ, tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp và tổ chức khám sức khỏe định kỳ.

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân sự, triển khai

các khóa đào tạo chuyên môn nhằm nâng cao tay nghề, cập nhật công nghệ mới và giúp nhân viên thích ứng với xu hướng sản xuất hiện đại. Để tạo động lực làm việc và giữ chân nhân tài, IMECO cũng áp dụng chính sách khen thưởng và đãi ngộ xứng đáng, bao gồm tuyên dương, thăng tiến, tăng lương và thưởng cuối năm cho những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc. Không chỉ quan tâm đến yếu tố vật chất, Công ty còn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc tích cực, thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao, team-building, giúp tăng cường gắn kết và tạo động lực cho nhân viên. Với những chính sách lao động toàn diện, IMECO không chỉ đảm bảo một môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng mà còn tạo điều kiện để nhân viên phát triển bền vững và gắn bó lâu dài cùng công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương

IMECO không chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn đặc biệt quan tâm đến trách nhiệm xã hội, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương. Công ty tin rằng sự phát triển vững mạnh của cộng đồng chính là nền tảng giúp doanh nghiệp ổn định và tăng trưởng lâu dài. Vì vậy, IMECO luôn chủ động trích lập các quỹ hỗ trợ xã hội, thực hiện các chương trình hỗ trợ tài chính cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đồng thời tham gia các hoạt động từ thiện, thiện nguyện tại địa phương.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương để triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, tài trợ cho các hoạt động giáo dục và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Những nỗ lực này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội của IMECO mà còn góp phần nâng cao chất lượng đời sống cho người dân, tạo dựng mối quan hệ gắn kết giữa doanh nghiệp và cộng đồng. Với cam kết phát triển bền vững, IMECO sẽ tiếp tục mở rộng các hoạt động hỗ trợ xã hội, chung tay vì một cộng đồng ngày càng thịnh vượng và phát triển.



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

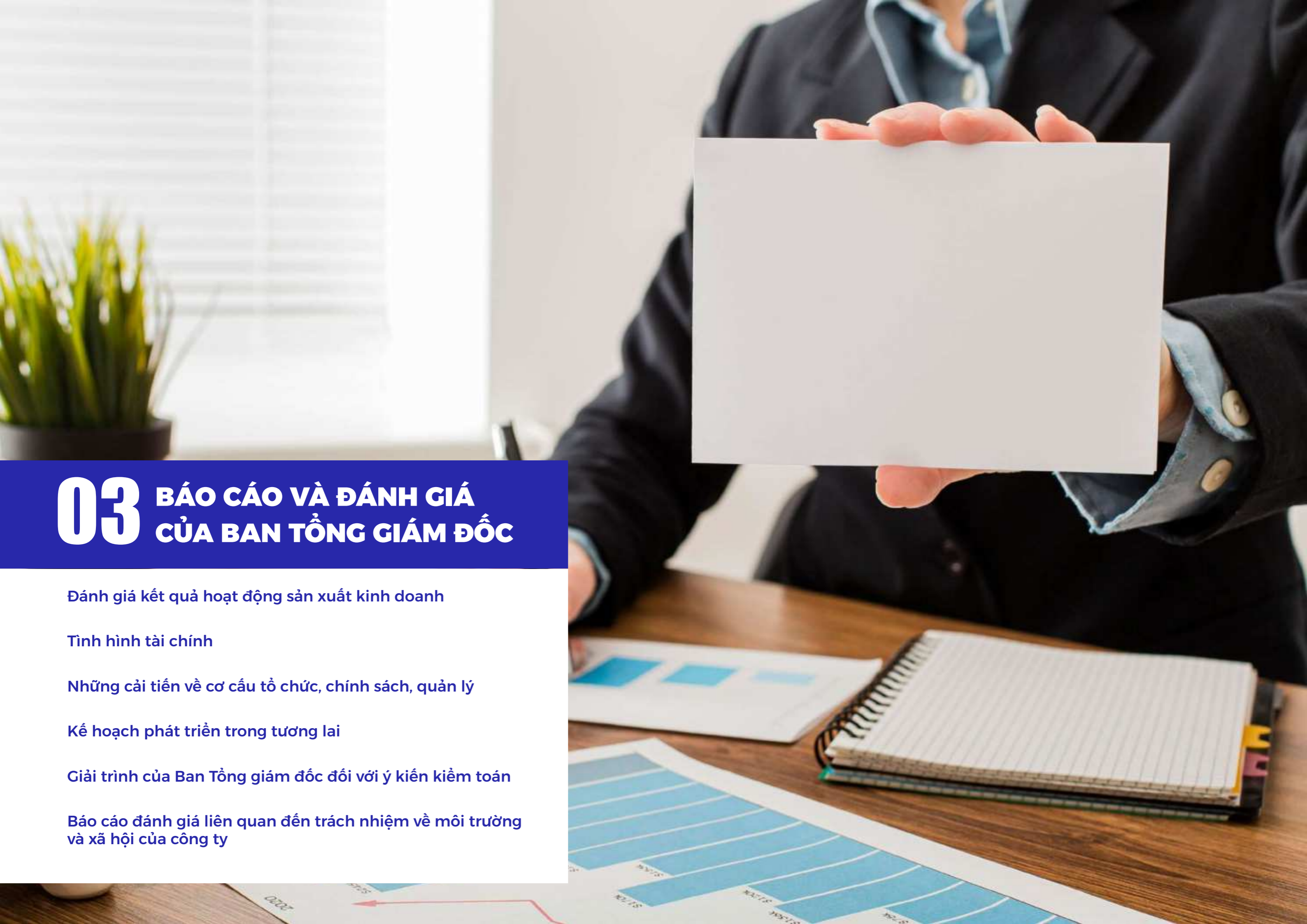
Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng quan về hoạt động của công ty

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với nhiều yếu tố rủi ro và bất định. Xung đột quân sự leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia lớn gia tăng, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách tăng, cùng với sự suy giảm của một số nền kinh tế lớn và sự đứt gãy cục bộ của chuỗi cung ứng toàn cầu đã ảnh hưởng đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính được nới lỏng và thị trường lao động có dấu hiệu phục hồi tích cực.

Tại Việt Nam, nền kinh tế đang trên đà hồi phục mạnh mẽ với nhiều dấu hiệu khởi sắc, vượt qua các chỉ tiêu tăng trưởng đề ra. Các hoạt động của khu vực doanh nghiệp có nhiều cải thiện khi Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, nâng cao môi trường kinh doanh, điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, duy trì ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát hiệu quả. Đầu tư phát triển có nhiều điểm sáng và thu ngân sách nhà nước vượt chỉ tiêu.

ĐIỂM MẠNH

- » Tình hình kinh doanh ổn định: Năm 2024, IME đã có những đơn hàng ký kết từ cuối năm 2023 chuyển sang, đảm bảo tình hình công việc ổn định trong 6 tháng đầu năm. Công ty đã tìm kiếm được những đơn hàng có giá trị lớn và triển khai sản xuất hiệu quả hơn, nâng cao chất lượng sản phẩm và nhận được sự tin tưởng từ khách hàng, giúp đạt hiệu quả kinh tế cao.
- » Nâng cao năng suất lao động: Năng suất lao động của IME trong năm 2024 có sự cải thiện rõ rệt, trình độ quản lý, chuyên môn và tay nghề của đội ngũ nhân sự đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm, giúp công ty duy trì được năng lực sản xuất và cạnh tranh trên thị trường.
- » Hỗ trợ từ chính sách pháp luật: Sự hỗ trợ từ chính sách pháp luật của Nhà nước trong việc giảm thuế giá trị gia tăng và giảm tiền thuế đất đã tạo điều kiện thuận lợi cho IME, giúp công ty giảm bớt được một số chi phí nguyên vật liệu đầu vào, đồng thời duy trì chi phí sản xuất ở mức hợp lý.
- » Dòng tiền ổn định: Tốc độ quay vòng của dòng tiền trong năm 2024 được đảm bảo, việc thu hồi vốn từ khách hàng diễn ra nhanh chóng nhờ sự hỗ trợ kịp thời từ các ngân hàng nâng hạn mức tín dụng mở bảo lãnh đúng tiến độ.

THUẬN LỢI

Do ảnh hưởng của các xung đột quốc tế và tình hình kinh tế bất ổn, giá nguyên vật liệu đầu vào vẫn duy trì ở mức cao, trong khi doanh thu từ xuất khẩu không tăng mạnh. Điều này khiến cho công ty chưa đạt được kỳ vọng về doanh thu, đặc biệt khi chi phí đầu vào không giảm tương ứng với doanh thu.

Tình hình lao động gặp khó khăn về việc thiếu hụt tay nghề phù hợp để đáp ứng yêu cầu công việc. Công ty phải mất thêm thời gian và chi phí đào tạo đội ngũ nhân viên có tay nghề cao, điều này ảnh hưởng đến hiệu suất công việc và khả năng đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của khách hàng.

Áp lực về chi phí nguyên vật liệu: Mặc dù có sự nỗ lực trong việc tối ưu hóa chi phí, chi phí nguyên vật liệu đầu vào vẫn là yếu tố tác động lớn đến lợi nhuận của công ty. Tình trạng này không chỉ gây áp lực về tài chính mà còn ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của IME trong bối cảnh thị trường đang có sự cạnh tranh khốc liệt.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2023		Ngày 31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	68.765	94,40%	69.768	90,13%
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.809	7,97%	1.065	1,38%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.220	7,17%	5.270	6,81%
Các khoản phải thu ngắn hạn	9.788	13,44%	32.121	41,50%
Hàng tồn kho	40.160	55,13%	26.831	34,66%
Tài sản ngắn hạn khác	7.789	10,69%	4.481	5,79%
Tài sản dài hạn	4.081	5,60%	7.640	9,87%
Tài sản cố định	4.081	5,60%	6.252	8,08%
Tài sản dài hạn khác	0		1.388	1,79%
Tổng tài sản	72.847	100%	77.408	100%

Trong năm 2024, tổng tài sản của Công ty đạt 77.408 triệu đồng, tăng 6,26% so với năm 2023. Mặc dù quy mô tài sản tăng, cơ cấu tài sản ghi nhận sự dịch chuyển khi tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm từ 94,40% xuống 90,13%, trong khi tài sản dài hạn tăng từ 5,60% lên 9,87%.

Tài sản ngắn hạn chỉ tăng nhẹ 1,46%, chủ yếu do biến động trái chiều giữa các khoản mục. Cụ thể, khoản mục tiền và tương đương tiền giảm mạnh 81,67%, từ 5.809 triệu đồng còn 1.065 triệu đồng, phản ánh việc Công ty đã sử dụng dòng tiền để đầu tư hoặc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, các khoản phải thu ngắn hạn tăng đột biến từ 9.788 triệu đồng lên 32.121 triệu đồng, tương ứng tăng 22.333 triệu đồng, chiếm đến 41,50%

tổng tài sản. Đây là yếu tố cần theo dõi sát sao để kiểm soát rủi ro tín dụng và đảm bảo hiệu quả dòng tiền. Ở chiều ngược lại, hàng tồn kho giảm 33,21%, đó là nỗ lực của Công ty trong việc tối ưu hóa hoạt động sản xuất - kinh doanh, hạn chế tồn kho và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Tài sản dài hạn tăng đáng kể 87,23%, chủ yếu đến từ việc tăng đầu tư vào tài sản cố định (tăng 53,20%) và phát sinh thêm khoản mục tài sản dài hạn khác với giá trị 1.388 triệu đồng. Trong năm Công ty đang từng bước đầu tư vào cơ sở vật chất và mở rộng quy mô hoạt động, phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2023		Ngày 31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	36.086	100%	33.345	100%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.718	10,30%	8.093	24,27%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	27.432	76,02%	10.481	31,43%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	876	2,43%	1.269	3,80%
Phải trả người lao động	2.805	7,77%	2.494	7,48%
Chi phí phải trả ngắn hạn	490	1,36%	0	0,00%
Phải trả ngắn hạn khác	558	1,55%	396	1,19%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	0,00%	10.495	31,48%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	207	0,57%	116	0,35%
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	36.086	100%	33.345	100%

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 33.345 triệu đồng, giảm 2.741 triệu đồng so với cuối năm 2023, tương ứng giảm 7,60%. Toàn bộ cơ cấu nợ vẫn là nợ ngắn hạn, cho thấy Công ty không phát sinh các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm.

Dù tổng nợ giảm, cơ cấu các khoản mục ghi nhận sự biến động đáng kể. Khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm mạnh từ 27.432 triệu đồng còn 10.481 triệu đồng (giảm 61,79%), kéo theo tỷ trọng giảm từ 76,02% còn 31,43%. Điều này phản ánh việc Công ty đã thực hiện hoàn thành nhiều nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong năm, đồng thời số lượng hợp đồng có khoản ứng trước từ khách hàng tại thời điểm cuối năm giảm.

Ngược lại, một số khoản mục ghi nhận xu hướng

tăng rõ rệt. Khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng gấp hơn 2 lần, từ 3.718 triệu đồng lên 8.093 triệu đồng, tương đương tăng 117,70%, chiếm 24,27% cơ cấu nợ. Đặc biệt, năm 2024 phát sinh khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trị giá 10.495 triệu đồng, chiếm 31,48% tổng nợ phải trả. Điều này là do Công ty đã sử dụng thêm đòn bẩy tài chính ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, thay thế một phần nguồn vốn từ khách hàng ứng trước.

Các khoản mục còn lại như thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, phải trả khác,... nhìn chung không có biến động lớn và duy trì tỷ trọng hợp lý trong tổng cơ cấu nợ



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IME) đã thực hiện một số cải tiến đáng ghi nhận trong công tác tổ chức, quản lý và điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh và tăng cường năng lực cạnh tranh.

Về cơ cấu tổ chức, Công ty đã tiến hành rà soát, tinh gọn bộ máy hoạt động, đảm bảo tính linh hoạt, gắn với đặc thù sản xuất cơ khí - xây lắp. Việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng ban được chú trọng, hạn chế sự chồng chéo, qua đó rút ngắn thời gian xử lý công việc và tăng tính chịu trách nhiệm của từng đơn vị.

Về chính sách quản lý, Công ty từng bước xây dựng và áp dụng các quy trình nội bộ chuẩn hóa, đặc biệt trong công tác lập kế hoạch, giám sát tiến độ thi công và quản lý chi phí. Đồng thời, IME chú trọng hoàn thiện hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI), gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả hoạt động của từng dự án và phòng ban.

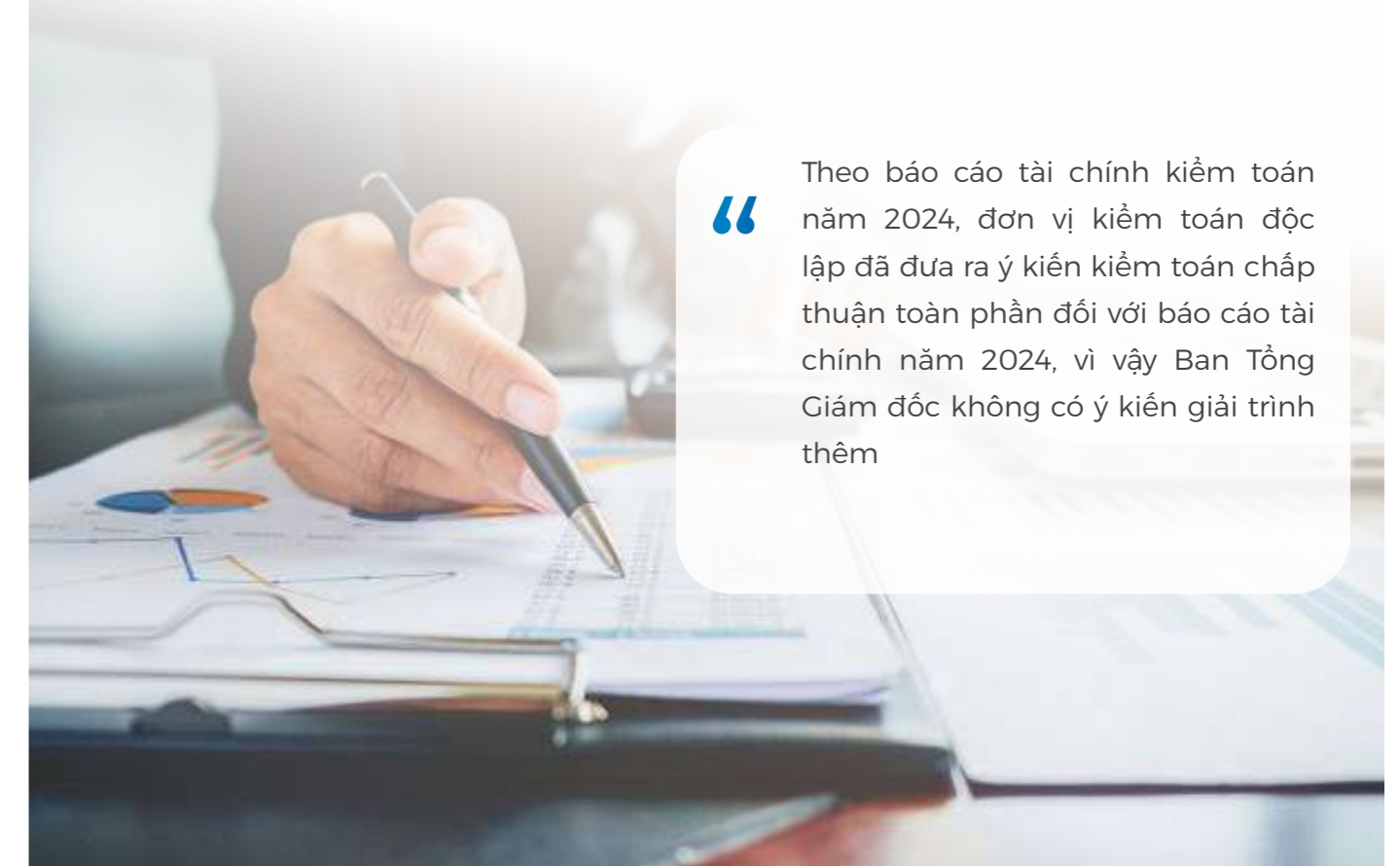
Về mặt nhân sự, Công ty đã tăng cường đào tạo nội bộ, chuyển giao kinh nghiệm giữa các thế hệ kỹ sư, đồng thời triển khai chính sách thu hút và giữ chân lao động kỹ thuật cao, nhất là trong bối cảnh nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong ngành ngày càng tăng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	KH 2025/TH2024
1	Tổng doanh thu	120.222	153.300	127,51%
2	Tổng chi phí	111.623	143.048	128,15%
3	Lợi nhuận trước thuế	8.600	10.252	119,22%
4	Lợi nhuận sau thuế	7.302	8.201	112,31%
5	Cổ tức	5%/VDL	8%/VDL	160%

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN



Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, đơn vị kiểm toán độc lập đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2024, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

IMECO là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và chế tạo máy móc cơ khí, sử dụng một lượng lớn kim loại như sắt, thép, inox, que hàn, thuốc hàn, sơn công nghiệp, cũng như nhiên liệu gồm dầu, nhớt để phục vụ quá trình sản xuất. Nếu không được kiểm soát chặt chẽ, các phế phẩm và chất thải từ quá trình sản xuất có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và đời sống của cộng đồng xung quanh. Ý thức được trách nhiệm này, IMECO đã áp dụng các biện pháp xử lý chất thải khoa học, nhằm giảm thiểu tối đa tác động của hoạt động sản xuất lên môi trường.

Công ty luôn tìm kiếm và hợp tác với các đơn vị chuyên thu gom, xử lý rác thải công nghiệp, đảm bảo chất thải phát sinh được thu gom, phân loại và xử lý đúng quy trình. Đồng thời, IMECO không ngừng nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên, khuyến khích thực hiện các biện pháp giữ gìn vệ sinh nơi làm việc, quản lý chất thải có trách nhiệm nhằm tạo ra một môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và thân thiện với môi trường.

Bên cạnh công tác xử lý chất thải, IMECO cũng tập trung tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, thực hiện kiểm tra, cải tiến và thay thế các thiết bị tiêu thụ điện năng lớn bằng các hệ thống tiết kiệm điện và hiệu suất cao. Công ty không ngừng cải tiến quy trình vận hành sản xuất, nhằm giảm thiểu lượng điện tiêu thụ, tiết kiệm chi phí, đồng thời góp phần vào phát triển bền vững và sử dụng năng lượng hiệu quả. Với những chính sách và hành động cụ thể, IMECO hướng đến một mô hình sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển cộng đồng một cách bền vững.



Đánh giá liên quan đến các vấn đề về người lao động

IMECO nhận thức được rằng người lao động luôn là yếu tố quan trọng, quyết định sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Chính vì thế, Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến sức khỏe tinh thần lẫn thể chất của toàn thể cán bộ nhân viên. Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn tạo điều kiện để nhân viên gắn kết thông qua các hoạt động đoàn thể, các hoạt động thể thao, nhằm tăng cường tinh thần đồng đội và nâng cao hiệu quả làm việc. Đồng thời, Công ty luôn tạo điều kiện, để người lao động có thể học hỏi, nâng cao tay nghề, nhằm đem đến những sản phẩm đầu ra chất lượng nhất. Cùng với đó, IMECO luôn đảm bảo trả lương đầy đủ, đúng hạn và chấp hành trích nộp Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong quá trình hoạt động, IMECO luôn mong muốn đem lại những giá trị tích cực, để có thể chung tay góp phần xây dựng cộng đồng ngày một vững mạnh hơn. Vậy nên, Công ty luôn chủ động trong việc chia sẻ và hỗ trợ tài chính cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia đóng góp vào các quỹ từ thiện... Điều này không chỉ giúp ích cho cộng đồng, mà còn giúp Công ty tạo được lòng tin và sự đồng cảm từ phía các đối tác, khách hàng

A high-angle photograph of a business meeting. Several people are gathered around a table, looking at documents and charts. One person is writing on a document with a pen. On the table, there is a calculator, a pair of glasses, and a tablet. The documents feature various charts, including bar graphs and pie charts. The text 'Sales Summary' and 'Analysis Chart' is visible on the documents.

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công ty

Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Năm 2024, trong bối cảnh tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp, thị trường nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh, chi phí đầu vào và áp lực cạnh tranh gia tăng, Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) đã nỗ lực điều hành linh hoạt, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm ổn định hoạt động sản xuất - kinh doanh và nâng cao hiệu quả tài chính.

Công ty đã chủ động cải tiến quy trình sản xuất, áp dụng biện pháp kiểm soát chi phí, lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu phù hợp, từ đó nâng cao biên lợi nhuận gộp so với kế hoạch. Đồng thời, dòng vốn được luân chuyển hiệu quả, bảo đảm không bị thiếu hụt cho sản xuất và chi trả tiền lương cho người lao động. Mô hình quản trị tiếp tục được củng cố, đi đôi với việc nâng cấp cơ sở vật chất sản xuất và hoàn thiện hệ thống điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Về trách nhiệm xã hội và môi trường, IMECO tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp quản lý môi trường trong sản xuất, kiểm soát tốt các yếu tố phát thải và rủi ro an toàn lao động. Công ty duy trì chính sách phúc lợi ổn định, chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, công bằng, tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty từng bước tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội tại địa phương, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và hướng tới phát triển bền vững.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh một cách chủ động, linh hoạt, thích ứng kịp thời với các biến động khó lường của môi trường vĩ mô, đặc biệt là những ảnh hưởng từ tình hình xung đột địa chính trị, biến động giá nguyên vật liệu và rủi ro khí hậu tại nhiều địa phương.

Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực của Ban Điều hành trong việc triển khai đồng bộ các giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tối ưu hóa quy trình sản xuất, từ đó giúp Công ty hoàn thành các mục tiêu trọng yếu, duy trì được lợi nhuận cao hơn so với kế hoạch. Việc lựa chọn nhà cung cấp đầu vào có giá cả cạnh tranh, cùng với quản lý dòng tiền chặt chẽ, đã góp phần đảm bảo vốn lưu động cho sản xuất và ổn định thu nhập cho người lao động. Bên cạnh hoạt động sản xuất, Ban Tổng Giám đốc cũng chú trọng công tác phát triển thị trường, mở rộng tệp khách hàng và nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời từng bước hoàn thiện cơ chế quản trị nội bộ, xây dựng đội ngũ nhân sự gắn bó, có năng lực chuyên môn cao.

Hội đồng quản trị đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động và hiệu quả trong điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024, đồng thời kỳ vọng tập thể lãnh đạo điều hành tiếp tục phát huy vai trò, duy trì tăng trưởng ổn định và hướng đến phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	KH 2025/TH2024
1	Tổng doanh thu	120.222	153.300	127,51%
2	Tổng chi phí	111.623	143.048	128,15%
3	Lợi nhuận trước thuế	8.600	10.252	119,22%
4	Lợi nhuận sau thuế	7.302	8.201	112,31%
5	Cổ tức	5%/VĐL	8%/VĐL	160%

Để hoàn thành tốt những kế hoạch, định hướng phát triển được đề ra trong năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã có các phương pháp thực hiện như sau:

Công tác sản xuất

- » Đầu tư thêm máy móc thiết bị vừa nâng cao năng suất lao động, vừa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của khách hàng.
- » Phát động phong trào thi đua cải tiến kỹ thuật tạo sân chơi để người lao động phát huy tính sáng tạo, đổi mới đồng thời tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp.
- » Lập kế hoạch và thực hiện công tác sửa chữa định kỳ máy móc thiết bị nhằm phục vụ sản xuất đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Công tác kỹ thuật - chất lượng sản phẩm

- » Duy trì thực hiện hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 45001:2018, EN 3834-2, EN 1090 và cập nhật mới cho phù hợp.
- » Công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm cần chú trọng, giảm thiểu tối đa các sản phẩm hư hỏng, lãng phí... Kiểm tra chặt chẽ chất lượng sản phẩm đầu vào và đầu ra.

Công tác kinh doanh

- » Tăng cường công tác nghiên cứu, phân tích thị trường thế giới và trong nước để tiếp cận các khách hàng tiềm năng, tìm kiếm cơ hội ký kết hợp đồng, tăng doanh thu.
- » Lập kế hoạch, dự toán hợp đồng đảm bảo tiết kiệm chi phí, tổ chức theo dõi, phối hợp với bộ phận sản xuất đảm bảo tiến độ thi công đáp ứng yêu cầu khách hàng.
- » Tích cực tham gia hội chợ triển lãm, nắm bắt thông tin thị trường trong nước để tìm kiếm khách hàng mới trong lĩnh vực chế biến, chế tạo nhằm đa dạng sản phẩm, mở rộng sản xuất.

Công tác tổ chức bộ máy nhân sự

- » Tiếp tục làm việc với các ngân hàng để đảm bảo vòng quay vốn lưu động không bị gián đoạn và được hưởng nhiều lợi ích từ các chính sách hỗ trợ từ các ngân hàng, tổ chức tài chính.
- » Thực hiện nhiệm vụ tài chính kế toán theo chuẩn mực cũng như các quy định của pháp luật.
- » Dự báo lợi nhuận năm 2025 có nhiều khả quan và duy trì việc trả cổ tức cho cổ đông.





05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT	-	-
3	Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT	-	-
4	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 184.200 CP	5,12%
5	Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT	Đại diện: 963.000 CP	26%

Lý lịch hội đồng quản trị

Đã được trình bày
tại **Chương 2 - Mục II - Tổ chức nhân sự**

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm 2024

Không có

Danh sách các thành viên của Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Trong năm, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác có tham gia những khóa đào tạo, hội thảo về quản trị công ty được tổ chức bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Giao dịch Chứng khoán

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Năm 2024, Hội đồng quản trị của Công ty đã hoàn thành trách nhiệm và nhiệm vụ của mình theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Những chỉ đạo và định hướng chiến lược, điều hành của Hội đồng quản trị đã giúp Công ty phát triển dần ổn định trở lại sau những năm kinh tế khó khăn.

Trong đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp đã hoạt động theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty; Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên Hội đồng quản trị; tổ chức họp Hội đồng quản trị định kỳ; Thực hiện giám sát và đánh giá theo từng quý để đảm bảo Ban điều hành và các đơn vị thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo kế hoạch được đề ra trong năm.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm qua, HĐQT đã thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc tổ chức, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc luôn duy trì cơ chế báo cáo định kỳ, thường xuyên xin ý kiến chỉ đạo từ HĐQT nhằm đảm bảo công tác điều hành doanh nghiệp tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty. Việc phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Giám đốc giúp nâng cao hiệu quả quản lý, kịp thời đưa ra các giải pháp điều chỉnh linh hoạt, đảm bảo Công ty vận hành ổn định, đạt được các mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2024

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%
2	Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT	04/04	100%
3	Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT	04/04	100%
4	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	04/04	100%
5	Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT	04/04	100%

Nghị quyết của HĐQT trong năm 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	14/NQ-HĐQT	19/01/2024	<p>Nghị quyết Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thông qua Báo cáo kế hoạch SXKD năm 2024 (kèm theo các biểu mẫu kế hoạch).</p> <p>2. Thông qua nội dung Tờ trình số 11 về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh và Hành chính - Nhân sự có thời hạn 3 năm đối với bà Nguyễn Thị Loan.</p> <p>3. Thông qua nội dung dự kiến ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 vào Thứ Sáu ngày 26/04/2024.</p>	73%
2	16/QĐ-HĐQT	31/01/2024	Về việc thông qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024	60%
3	17/QĐ-HĐQT	31/01/2024	Về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với bà Nguyễn Thị Loan	100%
4	18/QĐ-HĐQT	31/01/2024	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	60%
5	27/NQ-HĐQT	01/03/2024	Đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) hạn mức 33 tỷ đồng	80%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	39/NQ-HĐQT	29/03/2024	<p>Nghị quyết Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thông qua tài liệu Đại hội cổ đông năm 2024 gồm có: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024 bổ sung mức chia cổ tức là 5%; Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng năm 2024; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023; Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2024; Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 bổ sung mức chia cổ tức là 5%; Thông qua phê duyệt thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024 điều chỉnh tăng mức thù lao 5 triệu đồng đối với chủ tịch HĐQT, 3 triệu đồng đối với thành viên HĐQT, trưởng BKS và 2 triệu đồng đối với thành viên BKS.</p> <p>2. Thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 02 tháng đầu năm 2024.</p> <p>3. Thông qua chủ trương đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu</p>	60%
7	103/NQ-HĐQT	23/07/2024	<p>Nghị quyết hợp HĐQT ngày 23/07/2024</p> <p>1. Thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2024</p> <p>2. Thông qua nội dung đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải với hạn mức 50 tỷ đồng</p> <p>3. Thông qua phê duyệt công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 là Công ty TNHH Kiểm toán Vaco</p>	87%
8	105/NQ-HĐQT	23/07/2024	Đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) hạn mức 50 tỷ đồng	80%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Nghị quyết của HĐQT trong năm 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
9	113/NQ-HĐQT	22/08/2024	Thanh lý tài sản cố định gồm máy cắt Plasma CNC và các linh kiện kèm theo máy	100%
10	144/NQ-HĐQT	18/11/2024	Bổ nhiệm người phụ trách Quản trị Công ty đối với ông Đỗ Hùng Anh	100%
11	146/NQ-HĐQT	18/11/2024	Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	100%
12	156/NQ-HĐQT	28/11/2024	Nghị quyết họp HĐQT ngày 28/11/2024	93%
			1. Thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD Quý 3/2024	
			2. Thông qua nội dung vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) hạn mức 22 tỷ đồng	
			3. Thông qua nội dung bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng có thời hạn 03 năm đối với bà Vũ Thị Thu Hương	
13	174/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Vũ Thị Thu Hương	100%

BAN KIỂM SOÁT

Thành phần Ban kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS	-	-
2	Trần Thanh Tâm	Thành viên BKS	-	-
3	Trần Tố Như	Thành viên BKS	-	-

Lý lịch ban kiểm soát

Đã được trình bày tại **Chương 2 - Mục II - Tổ chức nhân sự**

Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm 2024

Không có

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát năm 2024

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS	02/02	100%
2	Trần Thanh Tâm	Thành viên BKS	02/02	100%
3	Trần Tố Như	Thành viên BKS	02/02	100%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát đã tổ chức 2 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

+ Phân công nhiệm vụ ban kiểm soát trong các công tác:

Xem xét tính tuân thủ và phù hợp của các nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

Giám sát việc công bố thông tin của Công ty, đánh giá mức độ minh bạch, kịp thời và đầy đủ trong quá trình công bố thông tin, từ đó bảo vệ quyền lợi chính đáng của cổ đông. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo chức năng giám sát được thực hiện xuyên suốt, liên tục và có hiệu quả.

+ Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024, căn cứ trên báo cáo kiểm toán độc lập, đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên, bảo đảm tính trung thực, khách quan và hợp chuẩn mực kế toán hiện hành.

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện vai trò giám sát đối với Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc, đồng thời hoàn thành các kế hoạch, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- » Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- » Giám sát việc tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Công ty trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- » Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
- » Đề xuất những ý kiến về hoạt động sản xuất kinh doanh, về công tác quản trị để giúp Công ty từng bước phát triển và hoàn thiện hơn.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp Hội đồng quản trị về công tác sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát còn giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và một số công tác khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ bản	Thù lao	Thưởng
Hội đồng quản trị					
1	Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	-	36.000.000	-
2	Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	-
3	Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	-
4	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	-
5	Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc & Kế toán trưởng					
1	Đỗ Hùng Anh	Tổng Giám đốc	800.404.616	-	73.780.000
2	Nguyễn Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc	652.757.692	-	62.400.000
3	Nguyễn Thế Xuân Ý	Phó Tổng Giám đốc	632.519.231	-	47.050.000
4	Vũ Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	455.615.384	-	13.058.000
Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS	-	24.000.000	-
2	Trần Thanh Tâm	Thành viên BKS	-	18.000.000	-
3	Trần Tố Như	Thành viên BKS	-	18.000.000	-

Hợp đồng giao dịch của Công ty với người nội bộ

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: không có

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: không có

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Nhìn chung, trong năm 2024, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) đã thực hiện tốt vai trò quản lý, điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ hiện hành, bảo đảm hoạt động vận hành xuyên suốt và hiệu quả.

Song song đó, Công ty không ngừng củng cố và nâng cao năng lực hệ thống quản trị thông qua việc khuyến khích các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các khóa đào tạo, hội thảo chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp. Hoạt động này góp phần giúp đội ngũ lãnh đạo tiếp cận các xu hướng quản trị hiện đại, nâng cao hiệu quả giám sát và điều hành, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.



06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lập Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính kèm theo đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Vũ Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên
Ông Đỗ Hùng Anh	Thành viên
Ông Bùi Quang Hải	Thành viên
Ông Phạm Sơn Hà	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng ban
Ông Trần Thanh Tâm	Thành viên
Bà Trần Tố Như	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Hùng Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thế Xuân Ý	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Vũ Thị Thu Hương	Quyền Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2024)
Bà Vũ Thị Thu Hương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2025)
Bà Dương Thị Hồng Vân	Quyền Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2025)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Vũ Thanh Phương - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Vũ Thanh Phương đã ủy quyền cho Ông Đỗ Hùng Anh ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 128/UQ-CKXL ngày 14 tháng 10 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Hùng Anh
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 128/UQ-CKXL
ngày 14 tháng 10 năm 2024
Tp.HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.767.610.955	68.765.489.052
I. Tiền	110	4	1.064.556.996	5.808.540.876
1. Tiền	111		1.064.556.996	5.808.540.876
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	5.270.000.000	5.220.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.270.000.000	5.220.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.121.146.398	9.787.852.347
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	28.952.062.245	9.146.299.731
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		452.362.845	246.233.015
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.716.721.308	395.319.601
IV. Hàng tồn kho	140	8	26.830.937.462	40.160.100.832
1. Hàng tồn kho	141		26.830.937.462	40.160.100.832
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.480.970.099	7.788.994.997
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	425.900.424	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.894.349.445	7.401.802.037
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	160.720.230	387.192.960
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.640.160.939	4.081.349.256
I. Tài sản cố định	220		6.252.196.645	4.081.349.256
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.229.607.758	4.044.493.701
- Nguyên giá	222		71.814.468.333	71.894.444.333
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.584.860.575)	(67.849.950.632)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	22.588.887	36.855.555
- Nguyên giá	228		898.748.500	898.748.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(876.159.613)	(861.892.945)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.387.964.294	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.387.964.294	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		77.407.771.894	72.846.838.308

SỐ: 103 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Thạch
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1
 Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Bình Phương
 Kiểm toán viên
 Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 5914-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		33.345.075.793	36.086.283.942
I. Nợ ngắn hạn	310		33.345.075.793	36.086.283.942
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	8.093.431.023	3.717.645.249
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	10.480.751.900	27.431.956.017
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	1.268.771.996	876.320.042
4. Phải trả người lao động	314		2.494.152.649	2.805.405.808
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	490.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	396.375.813	557.739.322
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	16	10.495.486.908	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		116.105.504	207.217.504
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.062.696.101	36.760.554.366
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	44.062.696.101	36.760.554.366
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.999.480.000	35.999.480.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.153.717.823	6.153.717.823
3. Lợi nhuận (Lỗ) sau thuế chưa phân phối	421		1.909.498.278	(5.392.643.457)
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.392.643.457)	(12.382.092.331)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.302.141.735	6.989.448.874
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		77.407.771.894	72.846.838.308
(440 = 300 + 400)				



Đỗ Hùng Anh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

V.ust

Dương Thị Hồng Vân
Quyền Kế toán trưởng/Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		117.461.442.483	171.477.305.068
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	20	117.461.442.483	171.477.305.068
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	94.725.639.702	146.970.352.849
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.735.802.781	24.506.952.219
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.118.337.035	3.348.648.543
6. Chi phí tài chính	22	24	629.451.618	2.742.449.519
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		350.361.284	1.666.688.860
7. Chi phí bán hàng	25	25	3.177.036.796	3.517.258.070
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	12.967.983.434	15.114.132.249
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		8.079.667.968	6.481.760.924
10. Thu nhập khác	31	26	642.538.339	1.543.398.365
11. Chi phí khác	32		122.628.367	772.262.397
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		519.909.972	771.135.968
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.599.577.940	7.252.896.892
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.297.436.205	263.448.018
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		7.302.141.735	6.989.448.874
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.028	1.942



Đỗ Hùng Anh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

V.ust

Dương Thị Hồng Vân
Quyền Kế toán trưởng/Người lập biểu


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	76.607.761.114	133.650.084.212
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(48.814.584.852)	(75.203.052.449)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(31.541.412.753)	(29.840.057.855)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(350.361.284)	(1.666.688.860)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(263.448.018)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.524.403.196	7.441.678.212
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.547.202.649)	(9.345.461.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.384.845.246)	25.036.502.100
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.157.624.000)	(798.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	235.113.208	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	117.885.250	1.149.863.122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.854.625.542)	351.063.122
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	31.062.974.994	7.075.422.368
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.567.488.086)	(27.975.422.368)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.495.486.908	(20.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(4.743.983.880)	4.487.565.222
Tiền đầu năm	60	5.808.540.876	1.310.956.015
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	10.019.639
Tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	1.064.556.996	5.808.540.876



Đỗ Hùng Anh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025


Dương Thị Hồng Vân
Quyền Kế toán trưởng/Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lập Công nghiệp là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 2835/QĐ-TCCB ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4103004265 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 2006 và Giấy chứng nhận số 0300628797 sửa đổi lần thứ sáu ngày 30 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.999.480.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 192 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 198 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Chế tạo sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ;
- Lắp đặt máy móc;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp...

Hoạt động chính của Công ty là Chế tạo sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lập Công nghiệp – Xưởng sản xuất	Địa điểm ĐKKD: 929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh Xưởng sản xuất: Số 01 Đường Đào Trinh Nhất, Phường Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Chế tạo sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, ...

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.

b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thị Huệ	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Hiến	Cổ đông lớn

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	773.082.756	231.458.868
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	291.474.240	5.577.082.008
Cộng	1.064.556.996	5.808.540.876

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh có thời gian đáo hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất từ 4% đến 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Howden UK Limited	16.011.418.532	8.616.020.029
Aarding Thermal Acoustics B.V	12.940.643.713	-
Khách hàng khác	-	530.279.702
Cộng	28.952.062.245	9.146.299.731

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế nhà thầu nộp thay khách hàng, trong đó:	2.314.244.607	-
NEM Energy B.V., Niederlassung Deutschland	2.053.269.000	-
Howden Australia Pty Ltd	260.975.607	-
Tạm ứng cho nhân viên	221.000.000	81.961.477
Ký quỹ, ký cược	61.032.404	199.618.669
Các khoản khác	120.444.297	113.739.455
Cộng	2.716.721.308	395.319.601

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.750.307.983	-	9.824.108.612	-
Công cụ, dụng cụ	238.222.237	-	262.863.962	-
Chi phí SXKD dở dang	13.726.750.577	-	30.073.128.258	-
Thành phẩm	9.115.656.665	-	-	-
Cộng	26.830.937.462	-	40.160.100.832	-

Một phần giá trị Hàng tồn kho được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM (Xem thuyết minh số 16).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	425.900.424	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	65.467.849	-
Chi phí khác	360.432.575	-
b) Dài hạn	1.387.964.294	-
Chi phí phạt chậm nộp tạm tính	1.387.964.294	-
Cộng	1.813.864.718	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	236.338.560	245.546.668	9.208.108	-
Thuế xuất, nhập khẩu	150.854.400	-	9.865.830	160.720.230
Cộng	387.192.960	245.546.668	19.073.938	160.720.230
b) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	75.966.680	1.297.436.205	263.448.018	1.109.954.867
Thuế thu nhập cá nhân	60.877.055	657.688.962	559.748.888	158.817.129
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.370.900.399	3.370.900.399	-
Các loại thuế khác	-	2.438.688.904	2.438.688.904	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	739.476.307	914.318.964	1.653.795.271	-
Cộng	876.320.042	8.679.033.434	8.286.581.480	1.268.771.996

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	17.373.936.171	50.016.651.616	3.882.676.906	621.179.640	71.894.444.333
- Mua sắm mới	1.060.584.000	2.097.040.000	-	-	3.157.624.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.480.350.000)	(757.250.000)	-	(3.237.600.000)
Số cuối năm	18.434.520.171	49.633.341.616	3.125.426.906	621.179.640	71.814.468.333
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	17.215.377.907	46.146.541.936	3.882.676.906	605.353.883	67.849.950.632
- Khấu hao trong năm	117.424.475	777.537.967	-	12.660.710	907.623.152
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.415.463.209)	(757.250.000)	-	(3.172.713.209)
Số cuối năm	17.332.802.382	44.508.616.694	3.125.426.906	618.014.593	65.584.860.575
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	158.558.264	3.870.109.680	-	15.825.757	4.044.493.701
Số cuối năm	1.101.717.789	5.124.724.922	-	3.165.047	6.229.607.758

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 63.525.890.259 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 66.089.761.259 VND).

Nhà cửa vật kiến trúc và Máy móc, thiết bị đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM (Xem Thuyết minh số 16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	898.748.500	898.748.500
- Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	898.748.500	898.748.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	861.892.945	861.892.945
- Khấu hao trong năm	14.266.668	14.266.668
Số cuối năm	876.159.613	876.159.613
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	36.855.555	36.855.555
Số cuối năm	22.588.887	22.588.887

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 855.948.500 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 855.948.500 VND).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THIẾT TOÀN THẮNG	1.539.530.575	1.539.530.575	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	1.120.597.449	1.120.597.449	627.216.082	627.216.082
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG QUANG MINH ANH	1.066.236.000	1.066.236.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Quang Minh Anh	274.692.000	274.692.000	444.333.600	444.333.600
Công ty TNHH Cơ Khí Tín Phát	-	-	1.100.520.000	1.100.520.000
Công ty Cổ phần Thép Toàn Thắng - LA	-	-	501.737.884	501.737.884
Phải trả người bán khác	4.092.374.999	4.092.374.999	1.043.837.683	1.043.837.683
Cộng	8.093.431.023	8.093.431.023	3.717.645.249	3.717.645.249

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Siemens Aktiengesellschaft	10.472.352.262	10.673.685.083
AAF (Wuhan) Co., Ltd	-	16.749.871.296
Các đối tượng khác	8.399.638	8.399.638
Cộng	10.480.751.900	27.431.956.017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cố tức phải trả	199.930.540	199.930.540
Phải trả về thu hộ Thuế TNCN	134.093.221	124.960.782
Nhận ký quỹ, ký cược	-	230.000.000
Các khoản khác	62.352.052	2.848.000
Cộng	396.375.813	557.739.322

16. VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phạm Thị Hồng Huệ (i)	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Tp.HCM (ii)	4.424.418.947	4.424.418.947	9.820.691.212	14.245.110.159	-	-
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (iii)	4.571.067.961	4.571.067.961	10.746.796.874	15.317.864.835	-	-
Cộng	10.495.486.908	10.495.486.908	20.567.488.086	31.062.974.994	-	-

(i) Khoản vay Bà Phạm Thị Hồng Huệ theo Hợp đồng vay số 175/TMN-24 ngày 30/12/2024. Khoản vay không có lãi suất và tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cấp tín dụng là 25 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được xác định cụ thể tại các Giấy nhận nợ/Khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Hàng tồn kho của Công ty, Hàng hoá trong kho tại 929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, Tp.HCM và Nhà máy chế tạo thiết bị đặc biệt tại Đường Đào Trinh Nhất, Phường Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng.

(iii) Khoản vay Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cấp tín dụng là 40,3 tỷ VND, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 12 tháng 9 năm 2027, lãi suất cho vay được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần và mức lãi suất cho vay được tùy chỉnh cụ thể tại các Giấy nhận nợ/Khế ước nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, tuy nhiên Công ty phải đáp ứng điều kiện tiên thu về tài khoản thanh toán mở tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn từ hoạt động kinh doanh trong vòng 12 tháng liên tục kể từ ngày chuyển nguồn thu lần đầu tối thiểu là 88 tỷ VND.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.999.480.000	6.153.717.823	(12.382.092.331)	29.771.105.492
Lãi trong năm	-	-	6.989.448.874	6.989.448.874
Số dư đầu năm nay	35.999.480.000	6.153.717.823	(5.392.643.457)	36.760.554.366
Lãi trong năm	-	-	7.302.141.735	7.302.141.735
Số dư cuối năm nay	35.999.480.000	6.153.717.823	1.909.498.278	44.062.696.101

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.599.948	3.599.948
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.599.948	3.599.948
- Cổ phiếu phổ thông	3.599.948	3.599.948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.599.948	3.599.948
- Cổ phiếu phổ thông	3.599.948	3.599.948
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	9.360.000.000	26,0%	9.360.000.000	26,0%
Bà Nguyễn Thị Huệ	8.487.000.000	23,6%	8.487.000.000	23,6%
Công ty Cổ phần An Hiến	5.884.840.000	16,3%	5.884.840.000	16,3%
Cổ đông khác	12.267.640.000	34,1%	12.267.640.000	34,1%
Cộng	35.999.480.000	100%	35.999.480.000	100%

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	2.195,25	17.669,59
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	718,28	2.735,75
Đô la Úc (AUD)	2.231,67	2.265,99

19. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh Sản xuất thiết bị cơ khí chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất thiết bị cơ khí trong một khu vực địa lý Tp. Hồ Chí Minh, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

20. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	117.244.056.799	169.654.395.234
Doanh thu cung cấp dịch vụ	217.385.684	1.822.909.834
Cộng	117.461.442.483	171.477.305.068

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	94.724.455.503	145.469.741.398
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.184.199	1.500.611.451
Cộng	94.725.639.702	146.970.352.849

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.271.785.169	78.480.543.089
Chi phí nhân công	39.081.149.502	36.050.504.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	921.889.820	759.584.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.082.117.225	11.770.496.188
Chi phí bằng tiền khác	4.282.997.198	5.940.090.548
Cộng	103.639.938.914	133.001.218.772

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	117.885.250	370.793.122
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.000.451.785	2.198.785.421
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	779.070.000
Cộng	2.118.337.035	3.348.648.543

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	350.361.284	1.666.688.860
Lỗ chênh lệch tỷ giá	279.090.334	1.075.760.659
Cộng	629.451.618	2.742.449.519

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	8.697.218.370	7.752.825.874
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.627.284	18.605.051
Thuế, phí, lệ phí	672.232.406	2.967.737.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.690.522.276	2.446.427.553
Các khoản chi phí QLDN khác	873.383.098	1.928.536.393
Cộng	12.967.983.434	15.114.132.249
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.150.566.013	3.452.598.064
Các khoản chi phí bán hàng khác	26.470.783	64.660.006
Cộng	3.177.036.796	3.517.258.070

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán phế liệu	378.499.364	886.206.363
Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	235.113.208	-
Tiền thưởng từ đối tác	-	653.940.000
Thu nhập khác	28.925.767	3.252.002
Cộng	642.538.339	1.543.398.365

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	8.599.577.940	7.252.896.892
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	226.029.497	1.309.011.807
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(650.277.236)	(254.542.826)
Thu nhập chịu thuế	8.175.330.201	8.307.365.873
Lỗ được chuyển các năm trước	(1.688.149.175)	(8.307.365.873)
Thu nhập tính thuế	6.487.181.026	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.297.436.205	-
Thuế TNDN phải nộp bổ sung năm trước	-	263.448.018
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.297.436.205	263.448.018

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	7.302.141.735	6.989.448.874
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.302.141.735	6.989.448.874
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.599.948	3.599.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.028	1.942
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	10.495.486.908	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.064.556.996	5.808.540.876
Nợ thuần	9.430.929.912	-
Vốn chủ sở hữu	44.062.696.101	36.760.554.366
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,21	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	1.064.556.996	5.808.540.876	1.064.556.996	5.808.540.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.668.783.553	9.541.619.332	31.668.783.553	9.541.619.332
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.270.000.000	5.220.000.000	5.270.000.000	5.220.000.000
Tổng cộng	38.003.340.549	20.570.160.208	38.003.340.549	20.570.160.208
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	10.495.486.908	-	10.495.486.908	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.489.806.836	4.275.384.571	8.489.806.836	4.275.384.571
Chi phí phải trả	-	490.000.000	-	490.000.000
Tổng cộng	18.985.293.744	4.765.384.571	18.985.293.744	4.765.384.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
Số cuối năm		
Tiền	1.064.556.996	1.064.556.996
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.668.783.553	31.668.783.553
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.270.000.000	5.270.000.000
Tổng cộng	38.003.340.549	38.003.340.549
Số cuối năm		
Các khoản vay	10.495.486.908	10.495.486.908
Phải trả người bán và phải trả khác	8.489.806.836	8.489.806.836
Tổng cộng	18.985.293.744	18.985.293.744
Chênh lệch thanh khoản thuần	19.018.046.805	19.018.046.805
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
Số đầu năm		
Tiền	5.808.540.876	5.808.540.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.541.619.332	9.541.619.332
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.220.000.000	5.220.000.000
Tổng cộng	20.570.160.208	20.570.160.208
Số đầu năm		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.275.384.571	4.275.384.571
Chi phí phải trả	490.000.000	490.000.000
Tổng cộng	4.765.384.571	4.765.384.571
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.804.775.637	15.804.775.637

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-I

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các sổ dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày trong thuyết minh số 17; trong năm Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với Bên liên quan:

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;

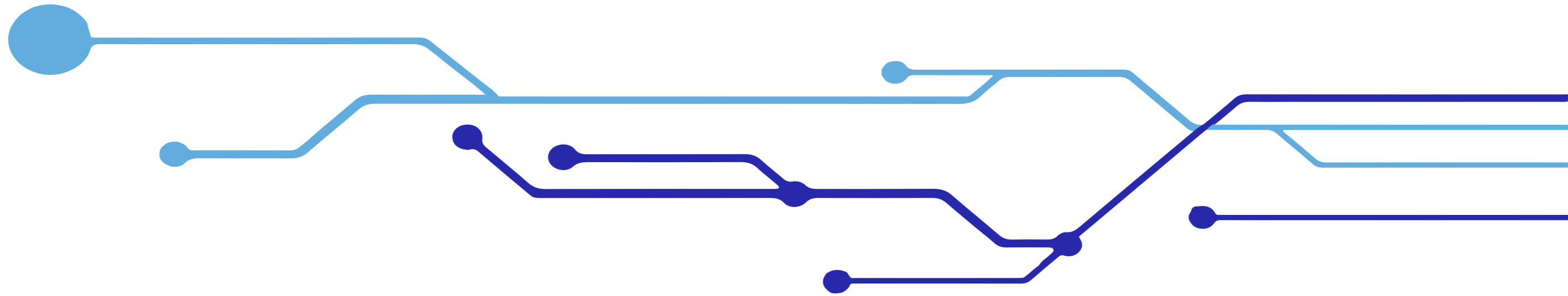
Thù lao của Hội đồng Quản trị, Thu nhập của Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay		Năm trước	
		VND	VND	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị		132.000.000		96.000.0	
Bà Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	36.000.000		24.000.0	
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	24.000.000		18.000.0	
Ông Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT	24.000.000		18.000.0	
Ông Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT	24.000.000		18.000.0	
Ông Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT	24.000.000		18.000.0	
Thù lao Ban kiểm soát		60.000.000		42.000.0	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	24.000.000		18.000.0	
Ông Trần Thanh Tâm	Thành viên	18.000.000		12.000.0	
Bà Trần Tố Như	Thành viên	18.000.000		12.000.0	
Lương, thưởng Tổng Giám đốc		874.184.616		639.026.6	
Ông Đỗ Hùng Anh	Tổng Giám đốc	874.184.616		639.026.6	
Kế toán trưởng		468.673.384		495.157.6	
Lương, thưởng của Người quản lý khác		1.619.726.923		1.162.501.9	
Cộng		3.154.584.923		2.434.686.3	



Đỗ Hùng Anh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Dương Thị Hồng Vân
Quyền Kế toán trưởng/Người lập biểu



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2025
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CÔNG TY CỔ
PHẦN CƠ KHÍ
VÀ XÂY LẮP
CÔNG NGHIỆP

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY
LẮP CÔNG NGHIỆP
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG
NGHIỆP, c=VN, l=Quận 12,
st=HỒ CHÍ MINH
Date: 2025.04.19 17:01:19
+07'00'



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP



929 - 931, Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



(028) 3717 3237 - 3717 3454



www.imecovn.com.vn